

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP BAN HÀNH THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT**

**ĐU' AN: ĐAU TU' XAU DUNG KHU ĐO THY THE THAO OLYMPIC**

**ĐIA ĐIEM: THON CỤ THẦN, XÁ THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Kèm theo Thông báo số .... /TB-UBND ngày /04/2026 của UBND xã Thanh Oai)*

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thường trú	Thông tin thửa đất đo đạc theo mảnh trích đo					Thông tin thửa đất theo Giấy tờ pháp lý					Ghi chú
			Tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Xứ đồng	DT thu hồi (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số phát hành	
1	Nguyễn Thành Bắc	Thôn Cự Thần	26	319	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	00	00	108.0	CE 336514	
		Thôn Cự Thần	32	274	LUC	Cày Máy	484.0	LUC	17	00	484.0	CE 336514	
		Thôn Cự Thần	26	695	LUC	Kinh Tế Phụ	216.0	LUC	00	00	216.0	CE 336514	
2	Nguyễn Văn Ninh	Thôn Cự Thần	32	172	LUC	Mạ Mùa	80.0	LUC	00	00	152	CE 397005	
		Thôn Cự Thần	32	328	LUC	Thép Mẫu Đức	1,685.0	LUC	03	00	1,685.0	CE 397005	
		Thôn Cự Thần	26	203	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	152	CE 397005	
		Thôn Cự Thần	26	325	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	443-49	00	270.0	CE 397005	
3	Nguyễn Văn Nội	Thôn Cự Thần	26	232	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	245	CE 397049	
		Thôn Cự Thần	26	542	LUC	Kinh Tế Phụ	162.0	LUC	00	00	162.0	CE 397049	
		Thôn Cự Thần	26	576	LUC	Mạ Mùa	101.0	LUC	00	00	245	CE 397049	
		Thôn Cự Thần	30	24	LUC	Từa Trong	1,460.0	LUC	11	00	1,460.0	CE 397049	
		Thôn Cự Thần	25	267	LUC	Quèn Cờ	1,444.0	LUC	09	00	1,444.0	CE 397049	
4	Nguyễn Văn Phong	Thôn Cự Thần	25	82	LUC	Mạ Mùa	180.0	LUC	00	00	367	CE 179822	
		Thôn Cự Thần	26	357	LUC	Kinh Tế Phụ	162.0	LUC	443-50	00	162.0	CE 179822	
		Thôn Cự Thần	32	160	LUC	Mạ Mùa	187.0	LUC	00	00	367	CE 179822	
		Thôn Cự Thần	37	25	LUC	Mạ Chiêm	126.0	LUC	00	00	279	CE 179822	
		Thôn Cự Thần	32	325	LUC	Cầu Gỗ	2,836.0	LUC	13	00	2,836.0	CE 179822	

		Thôn Cự Thần	37	285	LUC	Mạ Chiêm	153.0	LUC	00	00	279	CE 179822	
5	Nguyễn Văn Minh	Thôn Cự Thần	25	214	LUC	Mạ Mùa	106.0	LUC	00	00	454	CE 397046	
		Thôn Cự Thần	26	216	LUC	Mạ Mùa	164.0	LUC	00	00	454	CE 397046	
		Thôn Cự Thần	26	292	LUC	Mạ Mùa	64.0	LUC	00	00	454	CE 397046	
		Thôn Cự Thần	26	473	LUC	Kinh Tế Phụ	108.0	LUC	457-34	00	108.0	CE 397046	
		Thôn Cự Thần	31	44	LUC	Từ Trong	2,367.0	LUC	23	00	2,367.0	CE 397046	
		Thôn Cự Thần	32	97	LUC	Mạ Mùa	54.0	LUC	00	00	388	CE 397046	
		Thôn Cự Thần	33	11	LUC	Lô Ông Tân	2,183.0	LUC	04	00	2183	CE 397046	
		Thôn Cự Thần	37	86	LUC	Mạ Xuân	183.0	LUC	00	00	388	CE 397046	
		Thôn Cự Thần	37	93	LUC	Mạ Xuân	90.0	LUC	00	00	388	CE 397046	
		6	Nguyễn Văn Mạnh	Thôn Cự Thần	25	91	LUC	Mạ Mùa	180.0	LUC	00	00	490
Thôn Cự Thần	26			334	LUC	Kinh Tế Phụ	162.0	LUC	00	00	365	CE 396008	
Thôn Cự Thần	32			131	LUC	Mạ Mùa	60.0	LUC	00	00	490	CE 396008	
Thôn Cự Thần	37			80	LUC	Mạ Chiêm	25.0	LUC	00	00	365	CE 396008	
Thôn Cự Thần	37			301	LUC	Mạ Chiêm	154.0	LUC	00	00	365	CE 396008	
Thôn Cự Thần	24			137	LUC	Man Lấp	1,690.0	LUC	09	00	1,690.0	CE 396008	
Thôn Cự Thần	26			288	LUC	Mạ Mùa	250.0	LUC	00	00	490	CE 396008	
Thôn Cự Thần	33			26	LUC	Đồng Cháy	1,576.0	LUC	22	00	1,576.0	CE 396008	
Thôn Cự Thần	38			22	LUC	Man Hạ	360.0	LUC	05	00	360.0	CE 396008	
7	Nguyễn Văn Mạnh	Thôn Cự Thần	26	107	LUC	Mạ Mùa	130.0	LUC	00	00	130.0	CE 336597	
		Thôn Cự Thần	32	304	LUC	Cày Máy	1,390.0	LUC	37	00	1,390.0	CE 336597	
		Thôn Cự Thần	37	34	LUC	Mạ Xuân	133.0	LUC	00	00	133.0	CE 336597	
8	Nguyễn Văn Lùng	Thôn Cự Thần	25	44	LUC	Mạ Mùa	200.0	LUC	00	00	200.0	CE 397001	
		Thôn Cự Thần	30	69	LUC	Man Từ	1,261.0	LUC	05	00	1,261.0	CE 397001	
		Thôn Cự Thần	37	247	LUC	Mạ Xuân	108.0	LUC	00	00	338	CE 397001	
		Thôn Cự Thần	37	339	LUC	Mạ Xuân	126.0	LUC	00	00	338	CE 397001	
		Thôn Cự Thần	33	48	LUC	Thệp Mẫu Đúc	1,368.0	LUC	18	00	1,368.0	CE 397001	
		Thôn Cự Thần	26	321	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	441-28	00	324.0	CE 336519	

9	Nguyễn Quang Hưng	Thôn Cự Thần	31	20	LUC	Từ Chuông	439.0	LUC	06	00	439.0	CE 336519	
		Thôn Cự Thần	31	127	LUC	Man Từ	360.0	LUC	20	00	360.0	CE 336519	
		Thôn Cự Thần	36	40	LUC	Mạ Chiêm	90.0	LUC	00	00	224	CE 336519	
10	Nguyễn Ngọc Hưng	Thôn Cự Thần	30	26	LUC	Từ Trong	2,303.0	LUC	02	00	2,303.0	AA 02510629	
11	Nguyễn Mạnh Hùng	Thôn Cự Thần	26	65	LUC	Mạ Mùa	216.0	LUC	00	00	359	CE 397083	
		Thôn Cự Thần	26	88	LUC	Mạ Mùa	143.0	LUC	00	00	359	CE 397083	
		Thôn Cự Thần	39	61	LUC	Thép Học Sinh	972.0	LUC	04	00	972.0	CE 397083	
		Thôn Cự Thần	32	315	LUC	Thép Mẫu Đức	1,152.0	LUC	03	00	1,152.0	CE 397083	
12	Nguyễn Khắc Lương	Thôn Cự Thần	37	329	LUC	Mạ Xuân	87.9	LUC	00	00	241	CE 336556	
		Thôn Cự Thần	37	411	LUC	Mạ Xuân	79.0	LUC	00	00	241	CE 336556	
		Thôn Cự Thần	31	26	LUC	Từ Chuông	4,437.0	LUC	28	00	4,437.0	CE 336556	
		Thôn Cự Thần	25	43	LUC	Mạ Mùa	223.0	LUC	00	00	352	CE 336556	
		Thôn Cự Thần	26	448	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	440-14	00	324.0	CE 336556	
		Thôn Cự Thần	32	19	LUC	Mạ Mùa	129.0	LUC	00	00	352	CE 336556	
13	Nguyễn Văn Long	Thôn Cự Thần	31	80	LUC	Từ Trong	1,450.0	LUC	43	00	1,450.0	CE 397058	
		Thôn Cự Thần	37	47	LUC	Mạ Xuân	108.0	LUC	00	00	108.0	CE 397058	
		Thôn Cự Thần	31	8	LUC	Quên Từ	720.0	LUC	09	00	720.0	CE 397058	
14	Nguyễn Văn Lâm	Thôn Cự Thần	26	353	LUC	Kinh Tế Phụ	432.0	LUC	446-88	00	432.0	CE 207987	
		Thôn Cự Thần	26	87	LUC	Mạ Mùa	185.0	LUC	00	00	365	CE 207987	
		Thôn Cự Thần	26	155	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	00	00	365	CE 207987	
		Thôn Cự Thần	32	149	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	365	CE 207987	
		Thôn Cự Thần	32	235	LUC	Đồng Cháy	2,808.0	LUC	12	00	2,808.0	CE 207987	
15	Nguyễn Văn Khiêm	Thôn Cự Thần	31	23	LUC	Quên Từ	1,795.0	LUC	17	00	1,795.0	CE 336594	
		Thôn Cự Thần	26	285	LUC	Mạ Mùa	104.0	LUC	00	00	104	CE 336594	
16	Nguyễn Văn Khắc	Thôn Cự Thần	19	155	LUC	Mạ Mùa	234.0	LUC	00	00	489	CE 397082	
		Thôn Cự Thần	26	149	LUC	Mạ Mùa	255.0	LUC	00	00	489	CE 397082	
		Thôn Cự Thần	26	352	LUC	Kinh Tế Phụ	378.0	LUC	445-70	00	378.0	CE 397082	
		Thôn Cự Thần	31	40	LUC	Từ Trong	1,005.0	LUC	32	00	1,005.0	CE 397082	

		Thôn Cự Thần	31	48	LUC	Từ Trong	1,234.0	LUC	33	00	1,234.0	CE 397082	
		Thôn Cự Thần	32	269	LUC	Đồng Cháy	2,711.0	LUC	06	00	2,711.0	CE 397082	
17	Nguyễn Văn Hải	Thôn Cự Thần	30	42	LUC	Man Từ	1,514.0	LUC	11	00	1,514.0	DI 839928	
		Thôn Cự Thần	30	86	LUC	Man Từ	467.0	LUC	12	00	467.0	DI 839928	
18	Nguyễn Văn Hò	Thôn Cự Thần	26	336	LUC	Quèn Cờ	2,112.0	LUC	39	00	2,112.0	CE 336535	
		Thôn Cự Thần	26	670	LUC	Xâm Canh	287.0	LUC	02	00	287.0	CE 336535	
		Thôn Cự Thần	26	679	LUC	Xâm Canh	447.0	LUC	01	00	447.0	CE 336535	
		Thôn Cự Thần	26	686	LUC	Kinh Tế Phụ	216.0	LUC	00	00	324	CE 336535	
		Thôn Cự Thần	26	690	LUC	Kinh Tế Phụ	108.0	LUC	00	00	324	CE 336535	
		Thôn Cự Thần	37	53	LUC	Mạ Xuân	87.0	LUC	00	00	87.0	CE 336535	
		Thôn Cự Thần	26	584	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	388	CE 336535	
		Thôn Cự Thần	26	45	LUC	Mạ Mùa	244.0	LUC	00	00	388	CE 336535	
19	Nguyễn Văn Hiền	Thôn Cự Thần	25	50	LUC	Mạ Mùa	172.0	LUC	00	00	172.0	CE 336579	
		Thôn Cự Thần	25	166	LUC	Quèn Từ	1,152.0	LUC	49	00	1,152.0	CE 336579	
20	Nguyễn Văn Du	Thôn Cự Thần	25	188	LUC	Mạ Mùa	198.0	LUC	00	00	342	CE 396030	
		Thôn Cự Thần	25	195	LUC	Quèn Cờ	1,015.0	LUC	15	00	1,015.0	CE 396030	
		Thôn Cự Thần	26	300	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	442-43	00	270.0	CE 396030	
		Thôn Cự Thần	31	49	LUC	Từ Trong	1,400.0	LUC	30	00	1,400.0	CE 396030	
		Thôn Cự Thần	32	171	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	342	CE 396030	
		Thôn Cự Thần	37	60	LUC	Mạ Chiêm	75.0	LUC	00	00	267	CE 396030	
		Thôn Cự Thần	37	334	LUC	Mạ Chiêm	156.0	LUC	00	00	267	CE 396030	
21	Nguyễn Văn Bình	Thôn Cự Thần	19	154	LUC	Mạ Mùa	162.0	LUC	00	00	162.0	CE 336599	
		Thôn Cự Thần	31	7	LUC	Quèn Từ	2,283.0	LUC	18	00	2,283.0	CE 336599	
22	Nguyễn Văn Chanh	Thôn Cự Thần	26	434	LUC	Cá Chép	138.0	LUC	02	00	138.0	CE 179803	
		Thôn Cự Thần	32	20	LUC	Mạ Mùa	152.0	LUC	00	00	249	CE 179803	
		Thôn Cự Thần	32	98	LUC	Mạ Mùa	97.0	LUC	00	00	249	CE 179803	
		Thôn Cự Thần	37	124	LUC	Mạ Chiêm	120.0	LUC	00	00	228	CE 179803	
		Thôn Cự Thần	37	180	LUC	Mạ Chiêm	108.0	LUC	00	00	228	CE 179803	

		Thôn Cự Thần	25	258	LUC	Quèn Tựa	2,143.0	LUC	41	00	2,143.0	CE 179803	
23	Nguyễn Văn Công	Thôn Cự Thần	37	153	LUC	Mạ Mẫu 2	126.0	LUC	00	00	126.0	CE 396001	
		Thôn Cự Thần	19	143	LUC	Mạ Đồng Xang	237.0	LUC	00	00	237.0	CE 396001	
		Thôn Cự Thần	32	22	LUC	Sau Chùa	842.0	LUC	05	00	842.0	CE 396001	
		Thôn Cự Thần	38	40	LUC	Tu Hà	842.0	LUC	17	00	842.0	CE 396001	
24	Nguyễn Tuấn Oanh	Thôn Cự Thần	32	29	LUC	Mạ Mùa	101.0	LUC	00	00	209	CH 160249	
		Thôn Cự Thần	25	212	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	00	00	209	CH 160249	
		Thôn Cự Thần	26	212	LUC	Kinh Tế Phụ	108.0	LUC	448-99	00	108.0	CH 160249	
		Thôn Cự Thần	37	154	LUC	Mạ Xuân	72.0	LUC	00	00	198	CH 160249	
25	Nguyễn Tiến Trinh	Thôn Cự Thần	37	120	LUC	Mạ Chiêm	161.0	LUC	00	00	161.0	CE 336515	
		Thôn Cự Thần	25	81	LUC	Cầu Ông Bang	1,260.0	LUC	04	00	1,260.0	CE 336515	
		Thôn Cự Thần	32	326	LUC	Cày Máy	540.0	LUC	54	00	540.0	CE 336515	
26	Nguyễn Tiến Bằng	Thôn Cự Thần	25	62	LUC	Cầu Ông Bang	1,620.0	LUC	05	00	1,620.0	CE 336550	
		Thôn Cự Thần	26	37	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	144.0	CE 336550	
		Thôn Cự Thần	25	97	LUC	Cầu Ông Bang	540.0	LUC	02	00	540.0	CE 336550	
27	Nguyễn Thị Xuyên	Thôn Cự Thần	38	59	LUC	Tu Hà	1,431.0	LUC	31	00	1,431.0	CE 336542	
28	Nguyễn Thị Vinh	Thôn Cự Thần	25	21	LUC	Cầu Ông Bang	1,417.0	LUC	11	00	1,417.0	CE 336527	
		Thôn Cự Thần	25	90	LUC	Cầu Ông Bang	720.0	LUC	03	00	720.0	CE 336527	
		Thôn Cự Thần	37	150	LUC	Mạ Xuân	39.7	LUC	00	00	232	CE 336527	
		Thôn Cự Thần	37	226	LUC	Mạ Xuân	144.0	LUC	00	00	232	CE 336527	
		Thôn Cự Thần	26	282	LUC	Kinh Tế Phụ	432.0	LUC	00	00	432.0	CE 336527	
29	Nguyễn Thị Thuỳ	Thôn Cự Thần	26	420	LUC	Kinh Tế Phụ	486.0	LUC	442-38	00	486.0	CE 336526	
		Thôn Cự Thần	32	40	LUC	Mạ Mùa	215.0	LUC	00	00	215.0	CE 336526	
		Thôn Cự Thần	36	70	LUC	Mạ Xuân	226.0	LUC	00	00	226.0	CE 336526	
30	Nguyễn Thị Thanh	Thôn Cự Thần	25	193	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	144.0	CE 207995	
		Thôn Cự Thần	25	206	LUC	Quèn Cờ	1,551.0	LUC	00	00	1,551.0	CE 207995	
		Thôn Cự Thần	31	73	LUC	Từ Trong	762.0	LUC	47	00	762.0	CE 207995	
		Thôn Cự Thần	37	131	LUC	Mạ Xuân	72.0	LUC	00	00	232	CE 207995	

		Thôn Cự Thần	37	405	LUC	Mạ Xuân	160.0	LUC	00	00	232	CE 207995	
31	Nguyễn Thị Nương	Thôn Cự Thần	32	106	LUC	Mạ Mùa	118.0	LUC	00	00	118.0	CE 397073	
		Thôn Cự Thần	36	28	LUC	Mạ Xuân	252.0	LUC	00	00	324	CE 397073	
		Thôn Cự Thần	37	219	LUC	Mạ Xuân	72.0	LUC	00	00	324	CE 397073	
		Thôn Cự Thần	38	48	LUC	Tu Hà	1,888.0	LUC	14	00	1,888.0	CE 397073	
32	Nguyễn Thị Nụ	Thôn Cự Thần	25	111	LUC	Quèn Cờ	4,025.0	LUC	21	00	4,025.0	CE 396025	
		Thôn Cự Thần	25	149	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	476	CE 396025	
		Thôn Cự Thần	26	33	LUC	Mạ Mùa	332.0	LUC	00	00	476	CE 396025	
		Thôn Cự Thần	26	83	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	476	CE 396025	
		Thôn Cự Thần	26	374	LUC	Kinh Tế Phụ	378.0	LUC	438-1	03	378.0	CE 396025	
		Thôn Cự Thần	37	212	LUC	Mạ Chiêm	126.0	LUC	00	00	476	CE 396025	
		Thôn Cự Thần	37	218	LUC	Mạ Chiêm	102.0	LUC	00	00	476	CE 396025	
		Thôn Cự Thần	37	337	LUC	Mạ Chiêm	97.0	LUC	00	00	476	CE 396025	
33	Nguyễn Huy Toán	Thôn Cự Thần	25	146	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	378	CE 397042	
		Thôn Cự Thần	25	196	LUC	Từ Chuông	504.0	LUC	20	00	504.0	CE 397042	
		Thôn Cự Thần	31	115	LUC	Cầu Gỗ	1,488.0	LUC	29	00	1,488.0	CE 397042	
		Thôn Cự Thần	25	46	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	378	CE 397042	
		Thôn Cự Thần	26	100	LUC	Mạ Mùa	90.0	LUC	00	00	378	CE 397042	
34	Nguyễn Huy Thắng	Thôn Cự Thần	36	139	LUC	Mạ Xuân	180.0	LUC	00	00	434	CE 396047	
		Thôn Cự Thần	37	50	LUC	Mạ Xuân	144.0	LUC	00	00	434	CE 396047	
		Thôn Cự Thần	37	198	LUC	Mạ Xuân	72.0	LUC	00	00	434	CE 396047	
		Thôn Cự Thần	31	133	LUC	Cầu Gỗ	2,381.0	LUC	26	00	2,381.0	CE 396047	
		Thôn Cự Thần	26	108	LUC	Mạ Mùa	141.0	LUC	00	00	256	CE 396047	
		Thôn Cự Thần	32	133	LUC	Mạ Mùa	115.0	LUC	00	00	256	CE 396047	
35	Nguyễn Huy Thuận	Thôn Cự Thần	26	428	LUC	Kinh Tế Phụ	378.0	LUC	438-3	00	378.0	CE 396039	
		Thôn Cự Thần	31	113	LUC	Cầu Gỗ	1,080.0	LUC	05	00	1,080.0	CE 396039	
		Thôn Cự Thần	25	22	LUC	Mạ Mùa	81.0	LUC	00	00	297	CE 396042	
		Thôn Cự Thần	25	219	LUC	Quèn Cờ	1,275.0	LUC	13	00	1,275.0	CE 396042	

36	Nguyễn Huy Thang	Thôn Cự Thần	26	141	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	297	CE 396042	
		Thôn Cự Thần	26	417	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	444-60	00	324.0	CE 396042	
		Thôn Cự Thần	32	164	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	297	CE 396042	
		Thôn Cự Thần	36	59	LUC	Mạ Xuân	108.0	LUC	00	00	355	CE 396042	
		Thôn Cự Thần	36	105	LUC	Xương Người	1,426.0	LUC	07	00	1,426.0	CE 396042	
		Thôn Cự Thần	37	197	LUC	Mạ Xuân	72.0	LUC	00	00	355	CE 396042	
		Thôn Cự Thần	32	219	LUC	Cây Máy	160.0	LUC	08	00	160.0	CE 396042	
37	Nguyễn Thị Bình	Thôn Cự Thần	25	75	LUC	Mạ Mùa	129.0	LUC	00	00	129.0	CE 336523	
		Thôn Cự Thần	26	194	LUC	Kinh Tế Phụ	378.0	LUC	446-82	00	378.0	CE 336523	
		Thôn Cự Thần	31	109	LUC	Từ Trong	1,463.0	LUC	52	00	1,463.0	CE 336523	
38	Nguyễn Thị Đoạt	Cụm 10 Tân Lập, Đan Phượng, HN	26	592	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	445-77	00	270.0	CH 160264	
39	Nguyễn Thị Hát	Thôn Cự Thần	26	615	LUC	Mạ Mùa	74.0	LUC	00	00	74.0	CE 396037	
		Thôn Cự Thần	32	291	LUC	Cây Máy	720.0	LUC	39	00	720.0	CE 396037	
		Thôn Cự Thần	32	300	LUC	Thép Mẫu Đức	324.0	LUC	13	00	324.0	CE 396037	
40	Nguyễn Thị Liên	Thôn Cự Thần	25	52	LUC	Cầu Ông Bang	225.0	LUC	00	00	965	CE 336576	
		Thôn Cự Thần	25	93	LUC	Cầu Ông Bang	740.0	LUC	00	00	965	CE 336576	
		Thôn Cự Thần	26	150	LUC	Góc Sồi	108.0	LUC	00	00	108.0	CE 336576	
		Thôn Cự Thần	26	461	LUC	Kinh Tế Phụ	54.0	LUC	00	00	54.0	CE 336576	
		Thôn Cự Thần	37	199	LUC	Mạ 110	103.0	LUC	00	00	103.0	CE 336576	
41	Nguyễn Thị Minh Thảo	Thôn Cự Thần	31	98	LUC	Từ Trong	540.0	LUC	55	00	540.0	CE 396053	
42	Nguyễn Thị Năm	Thôn Cự Thần	26	398	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	495-67	00	270.0	CE 396020	
		Thôn Cự Thần	32	65	LUC	Mạ Mùa	141.0	LUC	00	00	141.0	CE 396020	
		Thôn Cự Thần	32	214	LUC	Cây Máy	1,625.0	LUC	07	00	1,625.0	CE 396020	
		Thôn Cự Thần	37	169	LUC	Mạ Xuân	61.0	LUC	00	00	205	CE 396020	
		Thôn Cự Thần	37	216	LUC	Mạ Xuân	115.2	LUC	00	00	205	CE 396020	
43	Nguyễn Thị Nghĩa	Thôn Cự Thần	32	27	LUC	Mạ Mùa	100.0	LUC	00	00	100.0	CH 160259	
		Thôn Cự Thần	39	29	LUC	Thép Mẫu Đức	936.0	LUC	37	00	936.0	CH 160259	
		Thôn Cự Thần	37	133	LUC	Mạ Xuân	36.0	LUC	00	00	126	CH 160259	

44	Bùi Thị Thu	Thôn Cự Thần	25	53	LUC	Mạ mùa	180.0	LUC	00	00	197	CE 336572	
		Thôn Cự Thần	26	446	LUC	Mạ mùa	17.0	LUC	00	00	197	CE 336572	
		Thôn Cự Thần	36	89	LUC	Mạ xuân	180.0	LUC	00	00	250	CE 336572	
		Thôn Cự Thần	36	127	LUC	Xương Người	1,029.0	LUC	05	00	1,029.0	CE 336572	
		Thôn Cự Thần	37	8	LUC	Mạ xuân	70.0	LUC	00	00	250	CE 336572	
		Thôn Cự Thần	32	233	LUC	Man Bưởi	1,100.0	LUC	21	00	1,100.0	CE 336572	
45	Chu Đức Anh	Thôn Cự Thần	38	60	LUC	Man Hạ	1,407.0	LUC	19	00	1407	CE 397031	
		Thôn Cự Thần	36	31	LUC	Mạ xuân	154.0	LUC	00	00	154.0	CE 397031	
		Thôn Cự Thần	38	107	LUC	Man Hạ	360.0	LUC	06	00	360.0	CE 397031	
46	Chu Văn Đạt	Thôn Cự Thần	25	55	LUC	Mạ mùa	138.0	LUC	00	00	258	CE 207988	
		Thôn Cự Thần	26	152	LUC	Mạ mùa	120.0	LUC	00	00	258	CE 207988	
		Thôn Cự Thần	37	137	LUC	Mạ Chiêm	270.0	LUC	00	00	390	CE 207988	
		Thôn Cự Thần	37	175	LUC	Mạ Chiêm	120.0	LUC	00	00	390	CE 207988	
		Thôn Cự Thần	25	252	LUC	Quèn Tựa	449.0	LUC	37	00	449.0	CE 207988	
		Thôn Cự Thần	32	261	LUC	Đồng Cháy	2,743.0	LUC	03	00	2,743.0	CE 207988	
47	Chu Văn Định	Thôn Cự Thần	26	13	LUC	Mạ mùa	280.0	LUC	00	00	280.0	CE 396007	
		Thôn Cự Thần	26	306	LUC	Kinh Tế Phụ	486.0	LUC	439-440	00	486.0	CE 396007	
		Thôn Cự Thần	36	141	LUC	Mạ xuân	100.0	LUC	00	00	316	CE 396007	
		Thôn Cự Thần	37	286	LUC	Mạ xuân	216.0	LUC	00	00	316	CE 396007	
		Thôn Cự Thần	25	177	LUC	Quèn Cờ	720.0	LUC	16	00	720.0	CE 396007	
		Thôn Cự Thần	33	50	LUC	Thệp Mẫu Đức	626.0	LUC	20	00	626.0	CE 396007	
		Thôn Cự Thần	38	42	LUC	Man Hạ	1,823.0	LUC	15	00	1,823.0	CE 396007	
48	Chu Văn Kim	Thôn Cự Thần	25	36	LUC	Mạ mùa	241.0	LUC	00	00	385	CE 396024	
		Thôn Cự Thần	25	112	LUC	Mạ mùa	90.0	LUC	00	00	385	CE 396024	
		Thôn Cự Thần	26	213	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	00	00	270.0	CE 396024	
		Thôn Cự Thần	32	112	LUC	Mạ mùa	54.0	LUC	00	00	385	CE 396024	
		Thôn Cự Thần	37	220	LUC	Mạ Chiêm	61.0	LUC	00	00	401	CE 396024	
		Thôn Cự Thần	39	51	LUC	Cầu Gõ	3,125.0	LUC	15	00	3,125.0	CE 396024	

49	Chu Văn Tuấn	Thôn Cự Thần	25	254	LUC	Quèn Từa	2,080.0	LUC	38	00	2,080.0	CE 207982	
		Thôn Cự Thần	26	89	LUC	Mạ mùa	118.0	LUC	00	00	270	CE 207982	
		Thôn Cự Thần	26	597	LUC	Mạ mùa	26.0	LUC	00	00	270	CE 207982	
		Thôn Cự Thần	32	117	LUC	Mạ mùa	126.0	LUC	00	00	270	CE 207982	
50	Đỗ Thị Nừa	Thôn Cự Thần	26	237	LUC	Mạ mùa	66.0	LUC	00	00	131	CE 336988	
		Thôn Cự Thần	32	9	LUC	Mạ mùa	65.0	LUC	00	00	131	CE 336988	
		Thôn Cự Thần	32	207	LUC	Man Bưởi	1,344.0	LUC	03	00	1,344.0	CE 336988	
51	Hồ Thị Hiếu	Thôn Cự Thần	31	101	LUC	Từa Trong	2,155.0	LUC	54	00	2,155.0	CE 396027	
		Thôn Cự Thần	25	159	LUC	Mạ Mùa	126.0	LUC	00	00	288	CE 396027	
		Thôn Cự Thần	26	29	LUC	Mạ Mùa	162.0	LUC	00	00	288	CE 396027	
		Thôn Cự Thần	26	438	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	442-33	00	270.0	CE 396027	
		Thôn Cự Thần	37	332	LUC	Mạ Xuân	133.0	LUC	00	00	259	CE 396027	
52	Hồ Thị Thanh	Thôn Cự Thần	32	265	LUC	Cày Máy	1,386.0	LUC	24	00	1,386.0	CE 336585	
53	Hồ Văn Thành	Thôn Cự Thần	36	135	LUC	Mạ Xuân	79.0	LUC	00	00	439	CE 397069	
		Thôn Cự Thần	37	35	LUC	Mạ Xuân	15.4	LUC	00	00	439	CE 397069	
		Thôn Cự Thần	37	171	LUC	Mạ Xuân	90.0	LUC	00	00	439	CE 397069	
		Thôn Cự Thần	37	336	LUC	Mạ Xuân	162.0	LUC	00	00	439	CE 397069	
		Thôn Cự Thần	26	401	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	457-28	00	270.0	CE 397069	
		Thôn Cự Thần	26	572	LUC	Quèn Cờ	1,789.0	LUC	31	00	1,789.0	CE 397069	
		Thôn Cự Thần	30	13	LUC	Từa Trong	1,789.0	LUC	4	00	1,789.0	CE 397069	
		Thôn Cự Thần	25	102	LUC	Mạ Mùa	87.0	LUC	00	00	429	CE 397069	
		Thôn Cự Thần	32	87	LUC	Mạ Mùa	116.0	LUC	00	00	429	CE 397069	
		Thôn Cự Thần	32	192	LUC	Mạ Mùa	100.0	LUC	00	00	429	CE 397069	
		Thôn Cự Thần	19	152	LUC	Mạ Mùa	126.0	LUC	00	00	429	CE 397069	
54	Hồ Viết Tuấn	Thôn Cự Thần	26	179	LUC	Mạ Mùa	252.0	LUC	00	00	502	CE 397026	
		Thôn Cự Thần	26	481	LUC	Kinh Tế Phụ	216.0	LUC	474-19	00	432	CE 397026	
		Thôn Cự Thần	26	531	LUC	Mạ Mùa	250.0	LUC	00	00	502	CE 397026	
		Thôn Cự Thần	30	5	LUC	Từa Trong	1,373.0	LUC	05	00	1,373.0	CE 397026	

		Thôn Cự Thần	26	471	LUC	<i>Kinh Tế Phụ</i>	216.0	LUC	474-19	00	432	CE 397026	
		Thôn Cự Thần	31	74	LUC	<i>Cây Máy</i>	1,058.0	LUC	02	00	1,058.0	CE 397026	
		Thôn Cự Thần	26	530	LUC	Quèn Cờ	1,159.0	LUC	30	00	1,159.0	CE 397026	
55	Hồ Viết Tùng	Thôn Cự Thần	26	340	LUC	mạ mùa	108.0	LUC	00	00	313	CE 336999	
		Thôn Cự Thần	26	437	LUC	Kinh Tế Phụ	162.0	LUC	445-43b	00	162.0	CE 336999	
		Thôn Cự Thần	31	34	LUC	từa chuông	2,629.0	LUC	04	00	2,629.0	CE 336999	
		Thôn Cự Thần	32	43	LUC	mạ mùa	97.0	LUC	00	00	313	CE 336999	
		Thôn Cự Thần	25	19	LUC	mạ mùa	108.0	LUC	00	00	313	CE 336999	
56	Lê Gia Long	Thôn Thượng Thanh, Bình Minh, HN	25	273	NTS	từa chuông	3,749.0	LUC	12	00	3,749.0	DE 632151	
57	Lê Thị Liễu	Thôn Cự Thần	26	195	LUC	mạ mùa	216.0	LUC	00	00	216.0	CE 396017	
		Thôn Cự Thần	32	258	LUC	cây máy	720.0	LUC	15	00	720.0	CE 396017	
		Thôn Cự Thần	31	130	LUC	Trạm Bơm	1,271.0	LUC	03	00	1,271.0	CE 396017	
58	Lê Thị Thường	Thôn Cự Thần	26	349	LUC	<i>Kinh Tế Phụ</i>	324.0	LUC	432-21	00	324.0	CE 336553	
		Thôn Cự Thần	31	97	LUC	Cầu Gỗ	2,623.0	LUC	02	00	2,623.0	CE 336553	
		Thôn Cự Thần	32	155	LUC	mạ mùa	166.0	LUC	00	00	274	CE 336553	
		Thôn Cự Thần	37	24	LUC	<i>Mạ Xuân</i>	108.0	LUC	00	00	229	CE 336553	
		Thôn Cự Thần	26	180	LUC	mạ mùa	108.0	LUC	00	00	274	CE 336553	
59	Lê Thị Tính	Thôn Cự Thần	26	370	LUC	<i>Kinh Tế Phụ</i>	324.0	LUC	00	00	324.0	CE 396059	
		Thôn Cự Thần	32	270	LUC	Đồng Cháy	720.0	LUC	05	00	720.0	CE 396059	
		Thôn Cự Thần	36	95	LUC	<i>Bà Y</i>	1,118.0	LUC	06	00	1,118.0	CE 396059	
60	Lê Thị Xuân	Thôn Cự Thần	25	54	LUC	mạ mùa	118.0	LUC	00	00	196	CE 397075	
		Thôn Cự Thần	25	94	LUC	Quèn Cờ	557.0	LUC	20	00	557.0	CE 397075	
		Thôn Cự Thần	31	66	LUC	Từa Trong	320.0	LUC	28	00	320.0	CE 397075	
		Thôn Cự Thần	32	190	LUC	mạ mùa	78.0	LUC	00	00	196	CE 397075	
61	Lê Thị Xuân	Thôn Cự Thần	26	646	LUC	Mạ Xuân	216.0	LUC	00	00	430	CE 396041	
		Thôn Cự Thần	37	399	LUC	Mạ Xuân	84.0	LUC	00	00	430	CE 396041	
		Thôn Cự Thần	24	143	LUC	Man Lấp	1,586.0	LUC	08	00	1,586.0	CE 396041	
		Thôn Cự Thần	32	142	LUC	Man Bưởi	2,484.0	LUC	08	00	2,484.0	CE 396041	

		Thôn Cự Thần	26	485	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	474-18	00	270.0	CE 396041			
		Thôn Cự Thần	25	202	LUC	mạ Mùa	108.0	LUC	00	00	242	CE 396041			
		Thôn Cự Thần	32	25	LUC	mạ Mùa	134.0	LUC	00	00	242	CE 396041			
62	Nguyễn Văn Nguyên	Thôn Cự Thần	26	447	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	00	00	378	CE 800133			
		Thôn Cự Thần	26	553	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	00	00	378	CE 800133			
		Thôn Cự Thần	31	65	LUC	Từ Trong	1,200.0	LUC	46	00	1,200.0	CE 800133			
		Thôn Cự Thần	37	149	LUC	Mạ Xuân	63.0	LUC	00	00	315	CE 800133			
		Thôn Cự Thần	37	249	LUC	Mạ Xuân	251.8	LUC	00	00	315	CE 800133			
		Thôn Cự Thần	32	227	LUC	Man Bưởi	2,045.0	LUC	24	00	2,045.0	CE 800133			
		Thôn Cự Thần	25	51	LUC	Mạ Mùa	90.0	LUC	00	00	378	CE 800133			
		Thôn Cự Thần	25	53	LUC	Mạ Mùa	180.0	LUC	00	00	378	CE 800133			
		63	Lê Văn Đạt	Thôn Cự Thần	26	86	LUC	Mạ Mùa	180.0	LUC	00	00	324	CE 397021	
				Thôn Cự Thần	26	418	LUC	Kinh Tế Phụ	108.0	LUC	00	00	108.0	CE 397021	
Thôn Cự Thần	31			146	LUC	Từ Trong	1,080.0	LUC	28	00	1,080.0	CE 397021			
Thôn Cự Thần	32			256	LUC	Cây Máy	996.0	LUC	44	00	996.0	CE 397021			
Thôn Cự Thần	38			54	LUC	Man Hạ	961.0	LUC	17	00	961.0	CE 397021			
Thôn Cự Thần	37			162	LUC	Mạ xuân	90.0	LUC	00	00	307	CE 397021			
Thôn Cự Thần	36			51	LUC	Mạ xuân	85.0	LUC	00	00	307	CE 397021			
Thôn Cự Thần	36			134	LUC	Mạ xuân	72.0	LUC	00	00	307	CE 397021			
Thôn Cự Thần	26			651	LUC	Mạ Mùa	30.0	LUC	00	00	324	CE 397021			
Thôn Cự Thần	32			126	LUC	Mạ Mùa	114.0	LUC	00	00	324	CE 397021			
64	Lê Văn Duệ	Thôn Cự Thần	25	108	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	00	00	396	CE 396028			
		Thôn Cự Thần	26	25	LUC	Mạ Mùa	180.0	LUC	00	00	396	CE 396028			
		Thôn Cự Thần	26	249	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	433-46	00	324.0	CE 396028			
		Thôn Cự Thần	32	34	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	00	00	396	CE 396028			
		Thôn Cự Thần	37	128	LUC	Mạ Chiêm	72.0	LUC	00	00	385	CE 396028			
		Thôn Cự Thần	37	279	LUC	Mạ Chiêm	241.0	LUC	00	00	385	CE 396028			
		Thôn Cự Thần	38	26	LUC	Tu Hà	2,983.0	LUC	12	00	2,983.0	CE 396028			

		Thôn Cự Thần	39	4	LUC	Thệp Đúc	1,257.0	LUC	25	00	1,257.0	CE 396028	
65	Lê Văn Dũng	Thôn Cự Thần	36	74	LUC	Mạ Chiêm	182.0	LUC	00	00	358	CE 396055	
		Thôn Cự Thần	25	129	LUC	Mạ Mùa	183.0	LUC	00	00	345	CE 396055	
		Thôn Cự Thần	26	120	LUC	Mạ Mùa	162.0	LUC	00	00	345	CE 396055	
		Thôn Cự Thần	26	343	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	00	00	270.0	CE 396055	
		Thôn Cự Thần	37	63	LUC	Mạ Chiêm	108.0	LUC	00	00	358	CE 396055	
		Thôn Cự Thần	38	20	LUC	Tu Hà	2,010.0	LUC	09	00	2,010.0	CE 396055	
		Thôn Cự Thần	39	32	LUC	Cày Máy	542.0	LUC	21	00	542.0	CE 396055	
66	Lê Văn Bảo	Thôn Cự Thần	26	502	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	473-1	00	324.0	CE 396060	
67	Luu Văn Quảng	Thôn Cự Thần	26	625	LUC	Mạ mùa	120.0	LUC	00	00	335	CE 397079	
		Thôn Cự Thần	26	689	LUC	Kinh Tế Phụ	162.0	LUC	00	00	162.0	CE 397079	
		Thôn Cự Thần	32	67	LUC	Mạ mùa	115.0	LUC	00	00	335	CE 397079	
		Thôn Cự Thần	32	342	LUC	Mạ mùa	100.0	LUC	00	00	335	CE 397079	
		Thôn Cự Thần	25	245	LUC	Quèn Cờ	1,286.0	LUC	10	00	1,286.0	CE 397079	
		Thôn Cự Thần	30	19	LUC	Từa Trong	2,160.0	LUC	10	00	2,160.0	CE 397079	
		Thôn Cự Thần	37	412	LUC	Mạ Xuân	72.0	LUC	00	00	403	CE 397079	
		Thôn Cự Thần	37	420	LUC	Mạ Xuân	19.0	LUC	00	00	403	CE 397079	
		Thôn Cự Thần	36	62	LUC	Mạ Xuân	84.0	LUC	00	00	403	CE 397079	
68	Lê Văn Nhi	Thôn Cự Thần	26	583	LUC	Mạ Mùa	126.0	LUC	00	00	355	CE 336574	
		Thôn Cự Thần	26	669	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	00	00	486	CE 336574	
		Thôn Cự Thần	26	674	LUC	Kinh Tế Phụ	162.0	LUC	00	00	486	CE 336574	
		Thôn Cự Thần	31	30	LUC	Quèn Từa	4,159.0	LUC	02	00	4,159.0	CE 336574	
		Thôn Cự Thần	37	58	LUC	Mạ Chiêm	72.0	LUC	00	00	344	CE 336574	
		Thôn Cự Thần	37	288	LUC	Mạ Chiêm	252.0	LUC	00	00	344	CE 336574	
		Thôn Cự Thần	26	46	LUC	Mạ Mùa	229.0	LUC	00	00	355	CE 336574	
		Thôn Cự Thần	25	233	LUC	Mạ Mùa	77.0	LUC	00	00	188	CE 336993	
		Thôn Cự Thần	25	256	LUC	Từa Chuông	1,483.0	LUC	24	00	1,483.0	CE 336993	
		Thôn Cự Thần	26	131	LUC	Mạ Mùa	57.0	LUC	00	00	188	CE 336993	

69	Lê Văn Công	Thôn Cự Thần	26	397	LUC	<i>Kinh Tế Phụ</i>	378.0	LUC	453-53	00	378.0	CE 336993	
		Thôn Cự Thần	26	419	LUC	<i>Mạ Xuân</i>	34.0	LUC	00	00	142	CE 336993	
		Thôn Cự Thần	26	551	LUC	<i>Mạ Mùa</i>	54.0	LUC	00	00	188	CE 336993	
		Thôn Cự Thần	37	323	LUC	<i>Mạ Xuân</i>	108.0	LUC	00	00	142	CE 336993	
70	Nguyễn Huy Bài	Thôn Cự Thần	26	333	LUC	<i>Kinh Tế Phụ</i>	189.0	LUC	00	00	486	CE 396063	
		Thôn Cự Thần	26	360	LUC	<i>Kinh Tế Phụ</i>	54.0	LUC	00	00	486	CE 396063	
		Thôn Cự Thần	26	361	LUC	<i>Kinh Tế Phụ</i>	54.0	LUC	00	00	486	CE 396063	
		Thôn Cự Thần	31	107	LUC	Cầu Gỗ	2,882.0	LUC	28	00	2,882.0	CE 396063	
		Thôn Cự Thần	26	350	LUC	<i>Kinh Tế Phụ</i>	189.0	LUC	00	00	486	CE 396063	
71	Lê Văn Chiến	Thôn Cự Thần	26	82	LUC	<i>mạ mùa</i>	67.0	LUC	00	00	265	CE 179808	
		Thôn Cự Thần	32	103	LUC	<i>mạ mùa</i>	198.0	LUC	00	00	265	CE 179808	
		Thôn Cự Thần	37	77	LUC	Mạ Chiêm	90.0	LUC	00	00	463	CE 179808	
		Thôn Cự Thần	37	195	LUC	Mạ Chiêm	103.0	LUC	00	00	463	CE 179808	
		Thôn Cự Thần	37	224	LUC	Mạ Chiêm	90.0	LUC	00	00	463	CE 179808	
		Thôn Cự Thần	37	300	LUC	Mạ Chiêm	90.0	LUC	00	00	463	CE 179808	
		Thôn Cự Thần	25	152	LUC	Quèn Cờ	1,711.0	LUC	22	00	1,711.0	CE 179808	
		Thôn Cự Thần	31	78	LUC	Từ Trong	1,000.0	LUC	37	00	1,000.0	CE 179808	
72	Lê Văn Cốm	Thôn Cự Thần	26	30	LUC	<i>Mạ Gié</i>	106.0	LUC	00	00	475	CE 397018	
		Thôn Cự Thần	26	279	LUC	<i>Mạ Gié</i>	169.0	LUC	00	00	475	CE 397018	
		Thôn Cự Thần	26	425	LUC	<i>Kinh Tế Phụ</i>	432.0	LUC	455-47	00	486	CE 397018	
		Thôn Cự Thần	26	470	LUC	<i>Kinh Tế Phụ</i>	54.0	LUC	455-47	00	486	CE 397018	
		Thôn Cự Thần	26	483	LUC	<i>Mạ Gié</i>	200.0	LUC	00	00	475	CE 397018	
		Thôn Cự Thần	30	47	LUC	Từ Trong	2,401.0	LUC	16	00	2,401.0	CE 397018	
		Thôn Cự Thần	33	30	LUC	Đồng Cháy	2,276.0	LUC	35	00	2,276.0	CE 397018	
		Thôn Cự Thần	37	327	LUC	<i>Mạ Chiêm</i>	235.0	LUC	35	00	470	CE 397018	
		Thôn Cự Thần	37	391	LUC	<i>Mạ Chiêm</i>	90.0	LUC	35	00	470	CE 397018	
		Thôn Cự Thần	25	131	LUC	<i>mạ mùa</i>	162.0	LUC	00	00	360	CE 397017	
		Thôn Cự Thần	32	10	LUC	<i>mạ mùa</i>	144.0	LUC	00	00	360	CE 397017	

73	Lê Văn Bình	Thôn Cự Thần	26	264	LUC	<i>mạ mùa</i>	54.0	LUC	00	00	360	CE 397017	
		Thôn Cự Thần	26	676	LUC	<i>Kinh Tế Phụ</i>	270.0	LUC	00	00	270.0	CE 397017	
		Thôn Cự Thần	30	15	LUC	Man Lấp	1,720.0	LUC	01	00	1,720.0	CE 397017	
		Thôn Cự Thần	33	35	LUC	Đồng Cháy	1,502.0	LUC	33	00	1,502.0	CE 397017	
74	Lê Văn Hanh	Thôn Cự Thần	25	88	LUC	Mạ Mùa	180.0	LUC	00	00	180.0	CE397078	
		Thôn Cự Thần	26	431	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	443-53	00	270.0	CE397078	
		Thôn Cự Thần	32	322	LUC	Cày Máy	1,811.0	LUC	51	00	1,811.0	CE397078	
75	Lê Văn Hiếu	Thôn Cự Thần	25	167	LUC	Mạ Mùa	54.0	LUC	00	00	233	CE 179824	
		Thôn Cự Thần	26	284	LUC	Kinh Tế Phụ	162.0	LUC	444-61	00	162.0	CE 179824	
		Thôn Cự Thần	38	65	LUC	Tu Hà	2,108.0	LUC	28	00	2,108.0	CE 179824	
		Thôn Cự Thần	37	305	LUC	Mạ Chiêm	75.0	LUC	00	00	245	CE 179824	
		Thôn Cự Thần	37	184	LUC	Mạ Chiêm	72.0	LUC	00	00	245	CE 179824	
		Thôn Cự Thần	37	257	LUC	Mạ Chiêm	62.0	LUC	00	00	245	CE 179824	
		Thôn Cự Thần	32	118	LUC	Mạ Mùa	79.0	LUC	00	00	233	CE 179824	
		Thôn Cự Thần	32	203	LUC	Mạ Mùa	100.0	LUC	00	00	233	CE 179824	
76	Lê Văn Hưng	Thôn Cự Thần	26	258	LUC	Kinh Tế Phụ	108.0	LUC	00	00	108.0	CH 160263	
		Thôn Cự Thần	32	114	LUC	Mạ Mùa	100.0	LUC	00	00	191	CH 160263	
		Thôn Cự Thần	32	143	LUC	Mạ Mùa	91.0	LUC	00	00	191	CH 160263	
		Thôn Cự Thần	32	318	LUC	Thép Mẫu Đúc	964.0	LUC	05	00	964.0	CH 160263	
		Thôn Cự Thần	32	320	LUC	Thép Mẫu Đúc	740.0	LUC	06	00	740.0	CH 160263	
		Thôn Cự Thần	37	267	LUC	Mạ Xuân	91.0	LUC	00	00	170	CH 160263	
77	Lê Văn Lâm	Thôn Cự Thần	26	41	LUC	Mạ Mùa	97.0	LUC	00	00	376	CE 207990	
		Thôn Cự Thần	26	171	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	00	00	270.0	CE 207990	
		Thôn Cự Thần	32	53	LUC	Mạ Mùa	279.0	LUC	00	00	376	CE 207990	
		Thôn Cự Thần	37	338	LUC	Mạ Chiêm	117.0	LUC	00	00	315	CE 207990	
		Thôn Cự Thần	32	298	LUC	Thép Mẫu Đúc	1,815.0	LUC	02	00	1,815.0	CE 207990	
		Thôn Cự Thần	26	161	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	00	00	378	CE 336567	
		Thôn Cự Thần	26	201	LUC	Mạ Mùa	270.0	LUC	00	00	378	CE 336567	

78	Lê Văn Lộc	Thôn Cự Thần	26	337	LUC	Kinh Tế Phụ	540.0	LUC	00	00	540.0	CE 336567	
		Thôn Cự Thần	26	554	LUC	Quèn Cờ	1,061.0	LUC	36	00	1061	CE 336567	
		Thôn Cự Thần	33	37	LUC	Đồng Cháy	1,388.0	LUC	08	00	1,388.0	CE 336567	
		Thôn Cự Thần	36	137	LUC	Xương Người	1,388.0	LUC	02	00	1,388.0	CE 336567	
		Thôn Cự Thần	37	59	LUC	Mạ Chiêm	72.0	LUC	00	00	462	CE 336567	
79	Lê Văn Lợi	Thôn Cự Thần	26	124	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	72.0	CE 397077	
		Thôn Cự Thần	25	118	LUC	Quèn Cờ	1,229.0	LUC	19	00	1,229.0	CE 397077	
		Thôn Cự Thần	25	217	LUC	Quèn Từa	767.0	LUC	34	00	1026	CE 397077	
80	Lê Văn Lược	Thôn Cự Thần	30	65	LUC	Trừa Trong	1,363.0	LUC	27	00	1,363.0	CE 396031	
		Thôn Cự Thần	32	166	LUC	Lô Ông Tân	1,641.0	LUC	16	00	1,641.0	CE 396031	
		Thôn Cự Thần	37	55	LUC	Mạ Ông Mừng	144.0	LUC	00	00	144.0	CE 396031	
		Thôn Cự Thần	25	16	LUC	Mạ Đồng Sang	172.0	LUC	00	00	172.0	CE 396031	
81	Lê Văn Long	Thôn Cự Thần	25	179	LUC	Mạ Mùa	215.0	LUC	00	00	353	CE 336995	
		Thôn Cự Thần	25	314	LUC	Từa Chuông	449.0	LUC	26	00	3325	CE 336995	
		Thôn Cự Thần	26	429	LUC	Kinh Tế Phụ	316.0	LUC	439-24	00	324	CE 336995	
		Thôn Cự Thần	26	596	LUC	Mạ Mùa	138.0	LUC	00	00	353	CE 336995	
		Thôn Cự Thần	31	11	LUC	Từa Chuông	2,876.0	LUC	26	00	3325	CE 336995	
		Thôn Cự Thần	36	199	LUC	Mạ Xuân	62.0	LUC	00	00	364	CE 336995	
		Thôn Cự Thần	37	398	LUC	Mạ Xuân	102.0	LUC	00	00	364	CE 336995	
82	Lê Văn Ninh	Thôn Cự Thần	37	250	LUC	Mạ Chiêm	373.0	LUC	00	00	373.0	CE 336544	
		Thôn Cự Thần	32	312	LUC	Cày Máy	1,800.0	LUC	49	00	1,800.0	CE 336544	
83	Lê Văn Phúc	Thôn Cự Thần	26	214	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	00	00	108.0	CE 336545	
		Thôn Cự Thần	32	306	LUC	Thép Mẫu Đúc	1,080.0	LUC	08	00	1,080.0	CE 336545	
		Thôn Cự Thần	37	62	LUC	Mạ Xuân	108.0	LUC	00	00	108.0	CE 336545	
84	Lê Văn Quảng	Thôn Cự Thần	26	241	LUC	Kinh Tế Phụ	486.0	LUC	8-102-1	00	486.0	CE 396010	
		Thôn Cự Thần	32	175	LUC	Mạ Mùa	288.0	LUC	00	00	288.0	CE 396010	
		Thôn Cự Thần	37	125	LUC	Mạ Chiêm	72.0	LUC	00	00	72.0	CE 396010	
		Thôn Cự Thần	32	85	LUC	Quèn Cờ	1,692.0	LUC	02	00	1,692.0	CE 396010	

85	Lê Văn Thắng	Thôn Cự Thần	26	27	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	72.0	CE 397076	
		Thôn Cự Thần	37	148	LUC	Mạ Xuân	162.0	LUC	00	00	162.0	CE 397076	
		Thôn Cự Thần	25	232	LUC	Quèn Từa	1,026.0	LUC	35	00	1,026.0	CE 397076	
86	Lê Văn Thành	Thôn Cự Thần	26	135	LUC	Mạ Mùa	76.0	LUC	00	00	251	CE 336591	
		Thôn Cự Thần	26	522	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	251	CE 336591	
		Thôn Cự Thần	37	320	LUC	Mạ Xuân	144.0	LUC	00	00	190	CE 336591	
		Thôn Cự Thần	25	251	LUC	Từa Chuông	1,978.0	LUC	23	00	1,978.0	CE 336591	
		Thôn Cự Thần	26	387	LUC	Mạ Xuân	46.0	LUC	00	00	190	CE 336591	
		Thôn Cự Thần	25	231	LUC	Mạ Mùa	103.0	LUC	00	00	251	CE 336591	
87	Lê Văn Thành	Thôn Cự Thần	32	244	LUC	Cày Máy	1,463.0	LUC	12	00	1,463.0	CE 336517	
		Thôn Cự Thần	26	563	LUC	Mạ Mùa	48.0	LUC	00	00	48.0	CE 336517	
88	Lê Văn Vinh	Thôn Cự Thần	25	142	LUC	Quèn Cờ	150.0	LUC	00	00	150.0	CE 207983	
		Thôn Cự Thần	25	248	LUC	Quèn Từa	1,494.0	LUC	27	00	1,494.0	CE 207983	
		Thôn Cự Thần	37	277	LUC	Mạ Chiêm	75.0	LUC				CE 207983	
89	Lê Văn Vũ	Thôn Cự Thần	26	121	LUC	Mạ mùa	231.0	LUC	00	00	231.0	CE 179811	
		Thôn Cự Thần	26	272	LUC	Kinh Tế Phụ	216.0	LUC	444-62	00	216.0	CE 179811	
		Thôn Cự Thần	37	236	LUC	Mạ Chiêm	163.0	LUC	00	00	271	CE 179811	
		Thôn Cự Thần	37	331	LUC	Mạ Chiêm	108.0	LUC	00	00	271	CE 179811	
		Thôn Cự Thần	31	47	LUC	Từa Trong	1,000.0	LUC	31	00	1,000.0	CE 179811	
		Thôn Cự Thần	32	215	LUC	Man Bưởi	1,694.0	LUC	14	00	1,694.0	CE 179811	
90	Lưu Hữu Nghĩa	Thôn Cự Thần	31	24	LUC	Quèn Từa	1,093.0	LUC	11	00	1,093.0	CE 336586	
91	Lưu Thị Cẩm	Thôn Cự Thần	26	579	LUC	Quèn Cờ	1,476.0	LUC	04	00	1,476.0	CE 336595	
		Thôn Cự Thần	26	609	LUC	Mạ mùa	216.0	LUC	00	00	216.0	CE 336595	
92	Lưu Văn Quang	Thôn Cự Thần	26	416	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	453-55	00	324.0	CH 160253	
		Thôn Cự Thần	38	75	LUC	Man Hạ	1,213.0	LUC	21	00	1,213.0	CH 160253	
		Thôn Cự Thần	26	52	LUC	Mạ mùa	218.0	LUC	00	00	326	CH 160253	
		Thôn Cự Thần	26	240	LUC	Mạ mùa	108.0	LUC	00	00	326	CH 160253	
		Thôn Cự Thần	30	8	LUC	Man Lấp	2,552.0	LUC	15	00	2,552.0	CH 160253	

93	Luu Văn Thiện	Thôn Cự Thần	26	66	LUC	Mạ Mùa	214.0	LUC	00	00	430	CE 336559	
		Thôn Cự Thần	26	427	LUC	Kinh Tế Phụ	378.0	LUC	453-54	00	378.0	CE 336559	
		Thôn Cự Thần	32	93	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	00	00	430	CE 336559	
		Thôn Cự Thần	36	58	LUC	Mạ Xuân	252.0	LUC	00	00	430	CE 336559	
		Thôn Cự Thần	37	403	LUC	Mạ Xuân	70.0	LUC	00	00	430	CE 336559	
		Thôn Cự Thần	30	9	LUC	Man Lấp	1,776.0	LUC	03	00	1776	CE 336559	
		Thôn Cự Thần	33	42	LUC	Đồng Cháy	1,058.0	LUC	30	00	1,058.0	CE 336559	
		Thôn Cự Thần	37	33	LUC	Mạ Xuân	108.0	LUC	00	00	430	CE 336559	
		Thôn Cự Thần	25	220	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	00	00	430	CE 336559	
94	Luu Văn Tín	Thôn Cự Thần	37	152	LUC	Mạ Xuân	169.0	LUC	00	00	241	CH 160252	
		Thôn Cự Thần	26	342	LUC	Mạ mùa	90.0	LUC	00	00	264	CH 160252	
		Thôn Cự Thần	24	157	LUC	Man Lấp	1,631.0	LUC	14	00	1,631.0	CH 160252	
		Thôn Cự Thần	26	68	LUC	Mạ mùa	174.0	LUC	00	00	264	CH 160252	
		Thôn Cự Thần	32	191	LUC	Man Bưởi	1,164.0	LUC	11	00	1,164.0	CH 160252	
95	Luu Văn Trung	Thôn Cự Thần	26	198	LUC	Mạ mùa	110.0	LUC	00	00	272	CE 336592	
		Thôn Cự Thần	26	539	LUC	Kinh Tế Phụ	378.0	LUC	00	00	378.0	CE 336592	
		Thôn Cự Thần	26	612	LUC	Mạ mùa	162.0	LUC	00	00	272	CE 336592	
		Thôn Cự Thần	25	249	NTS	Từ Chuông	1,548.0	LUC	16	00	1,548.0	CE 336592	
96	Mai Thị Năm	Thôn Cự Thần	25	171	LUC	Mạ mùa	180.0	LUC	00	00	422	CE 336565	
		Thôn Cự Thần	26	178	LUC	Mạ mùa	98.0	LUC	00	00	422	CE 336565	
		Thôn Cự Thần	26	250	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	447-93	00	378	CE 336565	
		Thôn Cự Thần	26	629	LUC	Phân Trăm Nhóm Dưới	54.0	LUC	447-93	00	378	CE 336565	
		Thôn Cự Thần	32	76	LUC	Mạ mùa	72.0	LUC	00	00	422	CE 336565	
		Thôn Cự Thần	37	57	LUC	Mạ Chiêm	72.0	LUC	00	00	272	CE 336565	
		Thôn Cự Thần	25	6	LUC	Mạ mùa	72.0	LUC	00	00	422	CE 336565	
		Thôn Cự Thần	33	52	LUC	Thép Mầu Đúc	869.0	LUC	22	00	869.0	CE 336565	
		Thôn Cự Thần	36	126	LUC	Mạ Chiêm	137.0	LUC	00	00	272	CE 336565	
		Thôn Cự Thần	38	36	LUC	Tu Hà	2,320.0	LUC	13	00	2,320.0	CE 336565	

97	Nguyễn Cao Cường	Thôn Cự Thần	25	250	LUC	Quên Từa	1,007.0	LUC	42	00	1,007.0	CE 336529	
		Thôn Cự Thần	31	96	LUC	Từa Trong	1,443.0	LUC	50	00	1,443.0	CE 336529	
		Thôn Cự Thần	32	132	LUC	Mạ mùa	108.0	LUC	00	00	108.0	CE 336529	
		Thôn Cự Thần	33	13	LUC	Lô Ông Tân	100.0	LUC	17	00	100.0	CE 336529	
		Thôn Cự Thần	37	206	LUC	Mạ Xuân	108.0	LUC	00	00	108.0	CE 336529	
98	Nguyễn Đình Thu	Thôn Cự Thần	26	190	LUC	Mạ mùa	154.0	LUC	00	00	226	CE 397084	
		Thôn Cự Thần	26	478	LUC	Mạ mùa	72.0	LUC	00	00	226	CE 397084	
		Thôn Cự Thần	32	299	LUC	Cày Máy	2,459.0	LUC	38	00	2,459.0	CE 397084	
		Thôn Cự Thần	37	104	LUC	Mạ Xuân	78.0	LUC	00	00	130	CE 397084	
99	Nguyễn Hải Yến	Thôn Cự Thần	26	468	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	474-21	00	270.0	CE 336578	
		Thôn Cự Thần	32	83	LUC	Mạ mùa	144.0	LUC	00	00	322	CE 336578	
		Thôn Cự Thần	24	147	LUC	Man Lấp	1,246.0	LUC	12	00	1,246.0	CE 336578	
		Thôn Cự Thần	26	317	LUC	Mạ mùa	178.0	LUC	00	00	322	CE 336578	
		Thôn Cự Thần	37	289	LUC	Mạ Chiêm	216.0	LUC	00	00	341	CE 336578	
		Thôn Cự Thần	37	111	LUC	Mạ Chiêm	53.0	LUC	00	00	341	CE 336578	
		Thôn Cự Thần	32	170	LUC	Man Bưởi	2,147.0	LUC	09	00	2,147.0	CE 336578	
100	Nguyễn Hương Lý	Thôn Cự Thần	32	242	LUC	Cày Máy	914.0	LUC	20	00	914.0	CE 397028	
101	Nguyễn Hữu Trung	TT CÔNG ty Len phường Hà Đông	26	708	LUC	Bầu Dện	99.0	LUC	13	00	99.0	CE 396034	
			37	167	LUC	Mạ Chiêm	72.0	LUC	00	00	111	CE 396034	
			37	233	LUC	Mạ Chiêm	39.0	LUC	00	00	111	CE 396034	
			30	50	LUC	Man Từa	556.0	LUC	10	00	556.0	CE 396034	
102	Nguyễn Huy Biền	Thôn Cự Thần	25	39	LUC	Cầu Ông Bang	1,404.0	LUC	10	00	1,404.0	CE 396068	
		Thôn Cự Thần	36	143	LUC	Mạ Xuân	134.0	LUC	00	00	134.0	CE 396068	
103	Nguyễn Huy Chua	Thôn Cự Thần	26	19	LUC	Mạ mùa	314.0	LUC	00	00	404	CE 336552	
		Thôn Cự Thần	26	122	LUC	Mạ mùa	90.0	LUC	00	00	404	CE 336552	
		Thôn Cự Thần	26	277	LUC	Kinh Tế Phụ	378.0	LUC	448-108	00	378.0	CE 336552	
		Thôn Cự Thần	25	192	LUC	Quên Từa	722.0	LUC	46	00	1442	CE 336552	
		Thôn Cự Thần	25	205	LUC	Quên Từa	720.0	LUC				CE 336552	

		Thôn Cự Thần	37	39	LUC	Mạ Xuân	47.0	LUC				CE 336552	
104	Nguyễn Huy Chung	Thôn Cự Thần	25	201	LUC	Quên Từa	720.0	LUC	45	00	720.0	CE 396061	
		Thôn Cự Thần	36	120	LUC	Mạ Xuân	245.0	LUC	00	00	245.0	CE 396061	
105	Nguyễn Huy Giảng	Thôn Cự Thần	25	33	LUC	Mạ Mùa	189.0	LUC	00	00	315	CE 396067	
		Thôn Cự Thần	25	35	LUC	Cầu Ông Bang	720.0	LUC	12	00	720.0	CE 396067	
		Thôn Cự Thần	32	91	LUC	Mạ Mùa	126.0	LUC	00	00	315	CE 396067	
106	Nguyễn Huy Hữu	Thôn Cự Thần	25	178	LUC	Quên Từa	720.0	LUC	47	00	720.0	CE 396062	
		Thôn Cự Thần	26	18	LUC	Mạ Mùa	97.0	LUC	00	00	97.0	CE 396062	
107	Nguyễn Huy Ngà	Thôn Cự Thần	31	135	LUC	Tu Hà	1,757.0	LUC	02	00	1,757.0	CE 336532	
		Thôn Cự Thần	19	173	LUC	Mạ mùa	168.0	LUC	00	00	268	CE 336532	
		Thôn Cự Thần	25	156	LUC	Mạ mùa	100.0	LUC	00	00	268	CE 336532	
		Thôn Cự Thần	37	126	LUC	Mạ Chiêm	54.0	LUC	00	00	204	CE 336532	
		Thôn Cự Thần	37	174	LUC	Mạ Chiêm	150.0	LUC	00	00	204	CE 336532	
		Thôn Cự Thần	33	3	LUC	Lô Ông Tân	557.0	LUC	07;08	00;00	1017	CE 336532	
		Thôn Cự Thần	33	5	LUC	Lô Ông Tân	460.0	LUC	07;08	00;00	1017	CE 336532	
108	Nguyễn Văn Doanh	Thôn Cự Thần	25	265	LUC	Quên Từa	2,402.0	LUC	26	00	2,402.0	CE 179810	
		Thôn Cự Thần	26	170	LUC	Mạ Mùa	121.0	LUC	00	00	241	CE 179810	
		Thôn Cự Thần	26	403	LUC	Mạ Mùa	120.0	LUC	00	00	241	CE 179810	
		Thôn Cự Thần	37	32	LUC	Mạ Chiêm	198.0	LUC	00	00	240	CE 179810	
109	Nguyễn Trọng Lâm	Thôn Cự Thần	25	17	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	252	CE 336571	
		Thôn Cự Thần	31	100	LUC	Cầu Gõ	1,782.0	LUC	03	00	1,782.0	CE 336571	
		Thôn Cự Thần	32	165	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	00	00	252	CE 336571	
		Thôn Cự Thần	37	205	LUC	Mạ Xuân	72.0	LUC	00	00	503	CE 336571	
110	Phạm Văn Minh	Thôn Cự Thần	25	174	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	274	CE 397047	
		Thôn Cự Thần	26	299	LUC	Kinh Tế Phụ	216.0	LUC	448-100	00	216.0	CE 397047	
		Thôn Cự Thần	32	110	LUC	Mạ Mùa	90.0	LUC	00	00	274	CE 397047	
		Thôn Cự Thần	32	206	LUC	Mạ Mùa	112.0	LUC	00	00	274	CE 397047	
		Thôn Cự Thần	37	200	LUC	Mạ Xuân	216.0	LUC	00	00	399	CE 397047	

		Thôn Cự Thần	31	108	LUC	Man Từ	2,073.0	LUC	18	00	2,073.0	CE 397047	
		Thôn Cự Thần	33	51	LUC	Thệp Mẫu Đúc	638.0	LUC	21	00	638.0	CE 397047	
		Thôn Cự Thần	37	190	LUC	Mạ Xuân	122.0	LUC	00	00	399	CE 397047	
111	Nguyễn Thị Lan	Thôn Cự Thần	26	382	LUC	Mạ Mùa	148.0	LUC	00	00	331	CE 397048	
		Thôn Cự Thần	26	534	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	473-9	00	270.0	CE 397048	
		Thôn Cự Thần	31	50	LUC	Từ Trong	1,722.0	LUC	24	00	1,722.0	CE 397048	
		Thôn Cự Thần	33	10	LUC	Lô Ông Tân	1,565.0	LUC	05	00	1,565.0	CE 397048	
		Thôn Cự Thần	37	310	LUC	Mạ Xuân	216.0	LUC	00	00	331	CE 397048	
		Thôn Cự Thần	26	332	LUC	Mạ Mùa	252.0	LUC	00	00	400	CE 397048	
		Thôn Cự Thần	25	225	LUC	Quên Từ	2,359.0	LUC	44	00	2,359.0	CE 800135	
112	Phạm Ngọc Mai	Thôn Cự Thần	26	15	LUC	Mạ Mùa	124.2	LUC	00	00	310	CE 800135	
		Thôn Cự Thần	26	315	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	00	00	270.0	CE 800135	
		Thôn Cự Thần	32	94	LUC	Mạ Mùa	180.0	LUC	00	00	310	CE 800135	
		Thôn Cự Thần	37	321	LUC	Mạ Xuân	139.0	LUC	00	00	201	CE 800135	
		Thôn Cự Thần	37	142	LUC	mạ Xuân	144.0	LUC	00	00	144.0	CE 336587	
113	Nguyễn Văn Tiến	Thôn Cự Thần	38	49	LUC	Tu Hà	1,661.0	LUC	19	00	1,661.0	CE 336587	
		Thôn Cự Thần	26	207	LUC	Mạ Mùa	54.0	LUC	00	00	408	CH 160251	
114	Nguyễn Văn Quang	Thôn Cự Thần	32	188	LUC	Man Bưởi	2,279.0	LUC	06	00	2,279.0	CH 160251	
		Thôn Cự Thần	36	67	LUC	Mạ chiêm	221.0	LUC	00	00	473	CH 160251	
		Thôn Cự Thần	37	78	LUC	Mạ chiêm	108.0	LUC	00	00	473	CH 160251	
		Thôn Cự Thần	26	311	LUC	Mạ Mùa	216.0	LUC	00	00	408	CH 160251	
		Thôn Cự Thần	32	127	LUC	Mạ Mùa	138.0	LUC	00	00	408	CH 160251	
		Thôn Cự Thần	26	389	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	435-52	00	324.0	CH 160251	
		115	Nguyễn Thu Huyền	Đội 11, xóm BẾN, My Hạ, Thanh Oai	32	135	LUC	Quên Cờ	2,054.0	LUC	1	00	2,054.0
	26			72	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC				AA 04486805	
		Thôn Cự Thần	25	30	LUC	Mạ mùa	72.0	LUC	00	00	245	CH 160254	
		Thôn Cự Thần	26	268	LUC	Kinh Tế Phụ	216.0	LUC	449-106	00	216.0	CH 160254	
		Thôn Cự Thần	32	123	LUC	Mạ mùa	101.0	LUC	00	00	101.0	CH 160254	

116	Nguyễn Anh Minh	Thôn Cự Thần	32	169	LUC	Mạ mùa	72.0	LUC	00	00	72.0	CH 160254	
		Thôn Cự Thần	32	333	LUC	Thép Mẫu Đúc	762.0	LUC	34	00	762.0	CH 160254	
		Thôn Cự Thần	36	60	LUC	Mạ Chiêm	144.0	LUC	00	00	280	CH 160254	
		Thôn Cự Thần	37	41	LUC	Mạ Chiêm	90.0	LUC	00	00	280	CH 160254	
		Thôn Cự Thần	39	2	LUC	Thép Mẫu Đúc	2,332.0	LUC	29	00	2,332.0	CH 160254	
117	Lê Văn Dũng	Thôn Cự Thần	26	527	LUC	Mạ Mùa	48.0	LUC	00	00	48.0	CE 336518	
		Thôn Cự Thần	36	34	LUC	Mạ Xuân	137.0	LUC	00	00	137.0	CE 336518	
		Thôn Cự Thần	32	241	LUC	Cây Máy	576.0	LUC	11	00	576.0	CE 336518	
		Thôn Cự Thần	25	278	LUC	Quèn Từa	1,616.0	LUC	40	00	1,616.0	AA 02510656	
118	Nguyễn Huy Hoàng	Thôn Cự Thần	26	1	LUC	Mạ Mùa	214.0	LUC	00	00	214.0	CE 396018	
		Thôn Cự Thần	32	237	LUC	Cây Máy	1,711.0	LUC	10	00	1,711.0	CE 396018	
		Thôn Cự Thần	37	38	LUC	Mạ Chiên	90.0	LUC	00	00	175	CE 396018	
		Thôn Cự Thần	37	191	LUC	Mạ Chiên	85.0	LUC	00	00	175	CE 396018	
119	Lê Thị Hy	Thôn Cự Thần	31	36	LUC	từa chuông	720.0	LUC	04	00	720.0	CH 160275	
120	Hồ Viết Hùng	Thôn Cự Thần	26	39	LUC	Mạ Đổng Sang	72.0	LUC	00	00	72.0	CE 397065	
		Thôn Cự Thần	26	371	LUC	Mạ Quèn Cờ	108.0	LUC	00	00	108.0	CE 397065	
		Thôn Cự Thần	26	443	LUC	Kinh Tế Phụ	162.0	LUC	00	00	162.0	CE 397065	
		Thôn Cự Thần	36	159	LUC	Xương Người	2,495.0	LUC	11	00	2,495.0	CE 397065	
121	Chu Văn Vương (Nho)	Thôn Cự Thần	26	14	LUC	Mạ Mùa	203.0	LUC	00	00	502	CH 160261	
		Thôn Cự Thần	26	78	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	502	CH 160261	
		Thôn Cự Thần	26	251	LUC	Kinh Tế Phụ	540.0	LUC	00	00	540.0	CH 160261	
		Thôn Cự Thần	32	101	LUC	Mạ Mùa	119.0	LUC	00	00	502	CH 160261	
		Thôn Cự Thần	38	27	LUC	Man Hạ	720.0	LUC	08	00	720.0	CH 160261	
		Thôn Cự Thần	31	72	LUC	Từa Trong	750.0	LUC	00	00	750.0	CH 160261	
		Thôn Cự Thần	33	9	LUC	Lô Ông Tân	1,215.0	LUC	12	00	1,215.0	CH 160261	
		Thôn Cự Thần	32	272	LUC	Cây Máy	2,287.0	LUC	42	00	2,287.0	CH 160261	
		Thôn Cự Thần	26	9	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	00	00	502	CH 160261	
		Thôn Cự Thần	37	146	LUC	Mạ Xuân	144.0	LUC	00	00	520	CH 160261	

		Thôn Cự Thần	37	237	LUC	Mạ Xuân	36.0	LUC	00	00	520	CH 160261	
		Thôn Cự Thần	37	292	LUC	Mạ Xuân	252.0	LUC	00	00	520	CH 160261	
122	Nguyễn Đắc Toàn	Thôn Cự Thần	26	303	LUC	Mạ mùa	72.0	LUC	00	00	287	CE 179821	
		Thôn Cự Thần	26	515	LUC	Kinh Tế Phụ	216.0	LUC	457-38	00	216.0	CE 179821	
		Thôn Cự Thần	26	564	LUC	Mạ mùa	143.0	LUC	00	00	287	CE 179821	
		Thôn Cự Thần	31	37	LUC	Từ Trong	1,616.0	LUC	22	00	1,616.0	CE 179821	
		Thôn Cự Thần	33	15	LUC	Lô Ông Tân	1,460.0	LUC	3	00	1460	CE 179821	
		Thôn Cự Thần	26	654	LUC	Mạ mùa	72.0	LUC	00	00	287	CE 179821	
		Thôn Cự Thần	26	414	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	445-45	00	270.0	CH 160267	
123	Nguyễn Ngọc Khanh	Thôn Cự Thần	30	43	LUC	Từ Trong	1,444.0	LUC	14	00	1,444.0	CH 160267	
		Thôn Cự Thần	25	292	LUC	Quèn Từ	2,292.0	LUC	05	00	2,292.0	CH 160267	
		Thôn Cự Thần	26	75	LUC	Mạ Mùa	90.0	LUC	00	00	306	CH 160267	
		Thôn Cự Thần	37	66	LUC	Mạ Chiêm	43.0	LUC	00	00	352	CH 160267	
		Thôn Cự Thần	26	581	LUC	Mạ Mùa	216.0	LUC	00	00	306.0	CH 160267	
		Thôn Cự Thần	25	215	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	00	00	211	CE 336516	
124	Nguyễn Thị Hoa	Thôn Cự Thần	37	97	LUC	Mạ Chiêm	28.0	LUC	00	00	100	CE 336516	
		Thôn Cự Thần	37	223	LUC	Mạ Chiêm	72.0	LUC	00	00	100	CE 336516	
		Thôn Cự Thần	26	558	LUC	Mạ Mùa	103.0	LUC	00	00	211	CE 336516	
		Thôn Cự Thần	26	286	LUC	Mạ Mùa	187.0	LUC	00	00	367	CE 207999	
125	Luu Văn Khanh	Thôn Cự Thần	26	509	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	474-23	00	270.0	CE 207999	
		Thôn Cự Thần	26	627	LUC	Mạ Mùa	180.0	LUC	00	00	367	CE 207999	
		Thôn Cự Thần	37	364	LUC	Mạ Chiêm	173.0	LUC	00	00	363	CE 207999	
		Thôn Cự Thần	37	408	LUC	Mạ Chiêm	54.0	LUC	00	00	363	CE 207999	
		Thôn Cự Thần	25	277	LUC	Quèn Cờ	1,897.0	LUC	06	00	1,897.0	CE 207999	
		Thôn Cự Thần	30	35	LUC	Từ Trong	1,900.0	LUC	13	00	1,900.0	CE 207999	
		Thôn Cự Thần	26	678	LUC	Kinh Tế Phụ	36.0	LUC	00	507-22	36	CE 207996	
126	Phạm Hồng Tư	Thôn Cự Thần	26	154	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	00	00	108.0	CE 207996	
		Thôn Cự Thần	32	230	LUC	Cây Máy	1,319.0	LUC	05	00	1,319.0	CE 207996	

		Thôn Cự Thần	37	67	LUC	Mạ Mùa	106.0	LUC	00	00	106.0	CE 207996	
127	Đặng Văn Sâm	Thôn Cự Thần	32	104	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	169	CE 336596	
		Thôn Cự Thần	37	11	LUC	Mạ Chiêm	115.0	LUC	00	00	187	CE 336596	
		Thôn Cự Thần	26	613	LUC	Mạ Mùa	97.0	LUC	00	00	169	CE 336596	
		Thôn Cự Thần	37	179	LUC	Mạ Chiêm	72.0	LUC	00	00	187	CE 336596	
		Thôn Cự Thần	32	302	LUC	Cây Máu	1,872.0	LUC	47	00	1,872.0	CE 336596	
128	Lê Văn Hùng (May)	Thôn Cự Thần	26	76	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	00	00	359	CE 207991	
		Thôn Cự Thần	36	103	LUC	Xương Người	3,560.0	LUC	09	00	3,560.0	CE 207991	
		Thôn Cự Thần	37	283	LUC	Mạ Chiêm	126.0	LUC	00	00	393	CE 207991	
		Thôn Cự Thần	26	426	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	00	00	324	CE 207991	
		Thôn Cự Thần	32	35	LUC	Mạ Mùa	251.0	LUC	00	00	359	CE 207991	
129	Nguyễn Hồng Hiếu	Thôn Cự Thần	26	296	LUC	Kinh Tế Phụ	378.0	LUC	451-60	00	378.0	DP 956444	
		Thôn Cự Thần	26	540	LUC	Mạ Mùa	197.0	LUC	00	00	401	DP 956444	
		Thôn Cự Thần	19	176	LUC	Mạ Mùa	204.0	LUC	00	00	401	DP 956444	
		Thôn Cự Thần	36	36	LUC	Mạ Xuân	97.0	LUC	00	00	395	DP 956444	
		Thôn Cự Thần	36	205	LUC	Mạ Xuân	90.0	LUC	00	00	395	DP 956444	
130	Nguyễn Đức Toàn	Thôn Cự Thần	26	125	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	72.0	CE 336984	
		Thôn Cự Thần	37	407	LUC	Mạ Xuân	63.0	LUC	00	00	63.0	CE 336984	
		Thôn Cự Thần	38	15	LUC	Cầu Gỗ	1,910.0	LUC	19	00	1,910.0	CE 336984	
131	Phạm Thị Thê	Thôn Cự Thần	26	165	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	144.0	CE 207989	
		Thôn Cự Thần	26	383	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	443-52	00	270.0	CE 207989	
		Thôn Cự Thần	32	321	LUC	Cây Máu	1,042.0	LUC	31	00	1,042.0	CE 207989	
		Thôn Cự Thần	37	73	LUC	Mạ Chiêm	86.0	LUC	00	00	212	CE 207989	
		Thôn Cự Thần	36	117	LUC	Mạ Chiêm	54.0	LUC	00	00	212	CE 207989	
132	Tạ Thị Nhuận	Thôn Cự Thần	26	373	LUC	Mạ Mùa	167.0	LUC	00	00	293	CE 397039	
		Thôn Cự Thần	26	452	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	457-31	00	270.0	CE 397039	
		Thôn Cự Thần	26	571	LUC	Mạ Mùa	126.0	LUC	00	00	293	CE 397039	
		Thôn Cự Thần	36	27	LUC	Mẫu Huyện	1,377.0	LUC	02	00	1,377.0	CE 397039	

		Thôn Cự Thần	37	56	LUC	Mạ Xuân	36.8	LUC	00	00	126.0	CE 397039	
133	Nguyễn Văn Bài	Thôn Cự Thần	26	54	LUC	Mạ Mùa	145.8	LUC	00	00	183	CE 397085	
		Thôn Cự Thần	25	268	LUC	Quèn Cờ	799.0	LUC	08	00	799.0	CE 397085	
		Thôn Cự Thần	25	312	LUC	Quèn Cờ	350.0	LUC	07	00	350.0	CE 397085	
		Thôn Cự Thần	30	28	LUC	Từa Trong	1,200.0	LUC	12	00	1,200.0	CE 397085	
134	Lê Văn Dũng	Thôn Cự Thần	26	173	LUC	Mạ Mùa	216.0	LUC	00	00	216.0	CE 336511	
		Thôn Cự Thần	37	106	LUC	Mạ Xuân	72.0	LUC	00	00	324	CE 336511	
		Thôn Cự Thần	37	316	LUC	Mạ Xuân	252.0	LUC	00	00	324	CE 336511	
		Thôn Cự Thần	36	184	LUC	Đường Đồng	1,235.0	LUC	09	00	1,235.0	CE 336511	
135	Nguyễn Huy Giáp	Thôn Cự Thần	26	38	LUC	Mạ Mùa	216.0	LUC	00	00	576	CE 397023	
		Thôn Cự Thần	26	143	LUC	Mạ Mùa	180.0	LUC	00	00	576	CE 397023	
		Thôn Cự Thần	26	482	LUC	Kinh Tế Phụ	432.0	LUC	00	00	432.0	CE 397023	
		Thôn Cự Thần	26	644	LUC	Mạ Mùa	180.0	LUC	00	00	576	CE 397023	
		Thôn Cự Thần	31	94	LUC	Từa Trong	1,016.0	LUC	40	00	1,016.0	CE 397023	
		Thôn Cự Thần	33	14	LUC	Lô Ông Tân	901.0	LUC	16	00	901.0	CE 397023	
		Thôn Cự Thần	33	23	LUC	Đồng Cháy	683.0	LUC	17	00	683.0	CE 397023	
136	Lưu Bá Hưng	Thôn Cự Thần	32	62	LUC	Mạ mùa	180.0	LUC	00	00	180.0	CE 397074	
		Thôn Cự Thần	32	92	LUC	Mạ Mùa	1,863.0	LUC	02	00	1,863.0	CE 397074	
		Thôn Cự Thần	37	70	LUC	Mạ Xuân	76.8	LUC	00	00	150	CE 397074	
		Thôn Cự Thần	38	31	LUC	Man Hạ	360.0	LUC	11	00	360.0	CE 397074	
		Thôn Cự Thần	26	692	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	00	00	324.0	CE 397074	
137	Lê Văn Mạnh	Thôn Cự Thần	26	217	LUC	Mạ Mùa	216.0	LUC	00	00	288	CE 397020	
		Thôn Cự Thần	26	347	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	288	CE 397020	
		Thôn Cự Thần	37	253	LUC	Mạ Xuân	72.0	LUC	00	00	198	CE 397020	
		Thôn Cự Thần	36	162	LUC	Đường Đồng	756.0	LUC	14	00	756.0	CE 397020	
		Thôn Cự Thần	36	177	LUC	Xương Người	1,956.0	LUC	17	00	1,956.0	CE 397020	
		Thôn Cự Thần	36	185	LUC	Xương Người	1,427.0	LUC	18	00	1,427.0	CE 397020	
		Thôn Cự Thần	37	61	LUC	Mạ Xuân	40.0	LUC	00	00	198	CE 397020	

138	Lê Văn Dũng	Thôn Cự Thần	37	340	LUC	Mạ Chiêm	165.0	LUC	00	00	345	CE 179830	
		Thôn Cự Thần	25	68	LUC	Mạ Mùa	71.0	LUC	00	00	367	CE 179830	
		Thôn Cự Thần	25	80	LUC	Mạ Mùa	70.0	LUC	00	00	367	CE 179830	
		Thôn Cự Thần	37	387	LUC	Mạ Chiêm	72.0	LUC	00	00	345	CE 179830	
		Thôn Cự Thần	26	166	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	447-98	00	270.0	CE 179830	
		Thôn Cự Thần	32	157	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	367	CE 179830	
		Thôn Cự Thần	32	181	LUC	Mạ Mùa	154.0	LUC	00	00	367	CE 179830	
		Thôn Cự Thần	38	2	LUC	Tu Hà	2,572.0	LUC	06	00	2,572.0	CE 179830	
		Thôn Cự Thần	39	27	LUC	Cày Máy	870.0	LUC	58	00	870.0	CE 179830	
139	Lê Văn Thảo	Thôn Cự Thần	25	104	LUC	Mạ Mùa	238.0	LUC	00	00	382	CE 336562	
		Thôn Cự Thần	26	188	LUC	Kinh Tế Phụ	216.0	LUC	00	00	216.0	CE 336562	
		Thôn Cự Thần	26	23	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	382	CE 336562	
		Thôn Cự Thần	31	82	LUC	Từ Trong	1,314.0	LUC	48	00	1,314.0	CE 336562	
		Thôn Cự Thần	37	165	LUC	Mạ Xuân	144.0	LUC	00	00	454	CE 336562	
		Thôn Cự Thần	37	246	LUC	Mạ Xuân	220.0	LUC	00	00	454	CE 336562	
		Thôn Cự Thần	32	198	LUC	Man Bưởi	2,374.0	LUC	13	00	2,374.0	CE 336562	
140	Nguyễn Văn Đắc	Thôn Cự Thần	25	243	LUC	Quèn Cờ	1,640.0	LUC	00	00	1,640.0	CE 396052	
		Thôn Cự Thần	26	313	LUC	Mạ Mùa	280.0	LUC	00	00	280.0	CE 396052	
		Thôn Cự Thần	26	475	LUC	Mạ Xuân	144.0	LUC	00	00	268	CE 396052	
		Thôn Cự Thần	26	697	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	00	00	324.0	CE 396052	
		Thôn Cự Thần	31	13	LUC	Từ Trong	1,658.0	LUC	00	00	1,658.0	CE 396052	
		Thôn Cự Thần	37	46	LUC	Mạ Xuân	52.0	LUC	00	00	268	CE 396052	
141	Tạ Đình Hoà	Thôn Cự Thần	26	680	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	00	00	540	CE 397003	
		Thôn Cự Thần	26	31	LUC	Mạ Mùa	87.8	LUC	00	00	336	CE 397003	
		Thôn Cự Thần	26	338	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	00	00	540	CE 397003	
		Thôn Cự Thần	26	335	LUC	Mạ Xuân	198.0	LUC	00	00	336	CE 397003	
		Thôn Cự Thần	26	348	HNK	Mạ Mùa	120.0	LUC	00	00	315	CE 397003	
		Thôn Cự Thần	26	574	LUC	Sau Chùa	2,482.0	LUC	01	00	2,482.0	CE 397003	

		Thôn Cự Thần	32	77	LUC	Mạ Mùa	126.0	LUC	00	00	336	CE 397003	
142	Hồ Thị Quang	Thôn Cự Thần	26	90	LUC	Mạ mùa	165.0	LUC	00	00	165.0	CE 800132	
		Thôn Cự Thần	31	33	LUC	Quèn Từa	1,826.0	LUC	12	00	1,826.0	CE 800132	
		Thôn Cự Thần	36	209	LUC	Mạ Xuân	183.0	LUC	00	00	183.0	CE 800132	
		Thôn Cự Thần	26	709	LUC	Kinh Tế Phụ	108.0	LUC	00	00	108.0	CE 800132	
143	Nguyễn Thị Quế	Thôn Cự Thần	26	339	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	00	00	270.0	CE 396056	
		Thôn Cự Thần	37	44	LUC	Mạ Chiêm	66.3	LUC	443.51	00	252	CE 396056	
		Thôn Cự Thần	26	328	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	443.51	00	252	CE 396056	
		Thôn Cự Thần	36	110	LUC	Mạ Chiêm	72.0	LUC	443.51	00	252	CE 396056	
		Thôn Cự Thần	38	64	LUC	Man Hạ	1,805.0	LUC	18	00	1,805.0	CE 396056	
		Thôn Cự Thần	39	12	LUC	Thệp Chi	1,308.0	LUC	29	00	1,308.0	CE 396056	
		Thôn Cự Thần	36	83	LUC	Mạ Chiêm	72.0	LUC	00	00	270	CE 396056	
		Thôn Cự Thần	19	170	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	252	CE 396056	
144	Nguyễn Ngọc Thu	Thôn Cự Thần	26	220	LUC	Mạ Mùa	162.0	LUC	00	00	306	CE 160255	
		Thôn Cự Thần	26	396	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	455-46	00	324.0	CE 160255	
		Thôn Cự Thần	26	580	LUC	Sau Chùa	1,777.0	LUC	06	00	1,777.0	CE 160255	
		Thôn Cự Thần	26	591	LUC	Mạ Chiêm	213.0	LUC	00	00	260	CE 160255	
		Thôn Cự Thần	32	134	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	306	CE 160255	
		Thôn Cự Thần	38	37	LUC	Tu Hà	1,038.0	LUC	18	00	1,038.0	CE 160255	
145	Phạm Văn Hoà	Thôn Cự Thần	37	23	LUC	Mạ Xuân	9.9	LUC	00	00	299	CE 336507	
		Thôn Cự Thần	26	3	LUC	Mạ Mùa	153.2	LUC	00	00	162.0	CE 336507	
		Thôn Cự Thần	31	112	LUC	Cầu Gỗ	1,800.0	LUC	04	00	1,800.0	CE 336507	
146	Nguyễn Văn Dũng	Thôn Cự Thần	26	331	LUC	Mạ Mùa	216.0	LUC	00	00	216.0	CE 396051	
		Thôn Cự Thần	37	178	LUC	Mạ Xuân	144.0	LUC	00	00	144.0	CE 396051	
		Thôn Cự Thần	25	285	LUC	Quèn Từa	1,325.0	LUC	21	00	1,325.0	CE 396051	
		Thôn Cự Thần	30	12	LUC	xứ đồng Man Lấp	2,178.0	LUC	02	00	2,178.0	DP 956450	
147	Chu Văn Tiến	Thôn Cự Thần	26	205	LUC	Mạ mùa	288.0	LUC	00	00	288.0	CE 336573	
		Thôn Cự Thần	26	230	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	443-45	00	270.0	CE 336573	

147	Chu Văn Học	Thôn Cự Thần	37	304	LUC	Mạ xuân	8.5	LUC	00	00	286	CE 336573	
		Thôn Cự Thần	39	26	LUC	Cày Máy	3,151.0	LUC	65	00	3,151.0	CE 336573	
148	Nguyễn Văn Hạnh	Thôn Cự Thần	25	121	LUC	Mạ Mùa	151.0	LUC	00	00	463	CE 336531	
		Thôn Cự Thần	26	153	LUC	Mạ Mùa	113.0	LUC	00	00	463	CE 336531	
		Thôn Cự Thần	26	176	LUC	Kinh Tế Phụ	54.0	LUC	445-75	00	216	CE 336531	
		Thôn Cự Thần	26	248	LUC	Kinh Tế Phụ	162.0	LUC	445-75	00	216	CE 336531	
		Thôn Cự Thần	25	26	LUC	Mạ Mùa	104.0	LUC	00	00	463	CE 336531	
		Thôn Cự Thần	26	28	LUC	Mạ Mùa	95.0	LUC	00	00	463	CE 336531	
		Thôn Cự Thần	24	154	LUC	Man Lấp	1,263.0	LUC	6	00	1,263.0	CE 336531	
		Thôn Cự Thần	33	34	LUC	Đồng Chày	1,891.0	LUC	27	00	1,891.0	CE 336531	
		Thôn Cự Thần	36	198	LUC	Mạ Xuân	107.0	LUC	00	00	429	CE 336531	
		Thôn Cự Thần	37	105	LUC	Mạ Xuân	54.0	LUC	00	00	429	CE 336531	
		Thôn Cự Thần	37	270	LUC	Mạ Xuân	142.0	LUC	00	00	429	CE 336531	
		149	Nguyễn Văn Thành	Thôn Cự Thần	26	632	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	450
Thôn Cự Thần	37			177	LUC	Mạ Chiêm	72.0	LUC	00	00	72.0	CE 336589	
Thôn Cự Thần	25			141	LUC	Mạ Mùa	97.0	LUC	00	00	287	CE 396054	
Thôn Cự Thần	26			34	LUC	Mạ Mùa	14.0	LUC	00	00	287	CE 396054	
Thôn Cự Thần	26			160	LUC	Mạ Mùa	122.0	LUC	00	00	287	CE 396054	
Thôn Cự Thần	37			204	LUC	Mạ Chiêm	35.0	LUC	00	00	72.0	CE 336589	
Thôn Cự Thần	38			29	LUC	Man Hạ	720.0	LUC	12	00	720.0	CE 336589	
Thôn Cự Thần	38			46	LUC	Man Hạ	2,130.0	LUC	14	00	2,130.0	CE 396054	
Thôn Cự Thần	39			7	LUC	Cây Máy	726.0	LUC	56	00	726.0	CE 396054	
Thôn Cự Thần	32			24	LUC	Mạ Mùa	54.0	LUC	00	00	287	CE 396054	
Thôn Cự Thần	36			72	LUC	Mạ Chiêm	108.0	LUC	00	00	287	CE 396054	
150	Lâm Văn Bắc	Thôn Cự Thần	26	228	LUC	Mạ mùa	168.0	LUC	00	00	208	CE 179801	
		Thôn Cự Thần	26	665	LUC	Kinh Tế Phụ	54.0	LUC	00	00	240	CE 179801	
		Thôn Cự Thần	32	39	LUC	Mạ mùa	40.0	LUC	00	00	208	CE 179801	
		Thôn Cự Thần	36	38	LUC	Mạ Chiêm	114.0	LUC	00	00	240	CE 179801	

150	Lưu Văn Đạt	Thôn Cự Thần	37	221	LUC	Mạ Chiêm	72.0	LUC	00	00	240	CE 179801	
		Thôn Cự Thần	30	38	LUC	Từ Trong	360.0	LUC	17	00	1524	CE 179801	
		Thôn Cự Thần	33	29	LUC	Đồng Cháy	1,409.0	LUC	36	00	1,409.0	CE 179801	
		Thôn Cự Thần	30	34	LUC	Từ Trong	1,164.0	LUC	17	00	1524	CE 179801	
151	Nguyễn Đức Thiệp	Thôn Cự Thần	26	377	LUC	Kinh Tế Phụ	306.0	LUC	445-69	00	306.0	CE 396048	
		Thôn Cự Thần	32	108	LUC	Mạ mùa	180.0	LUC	00	00	489	CE 396048	
		Thôn Cự Thần	37	176	LUC	Mạ Xuân	144.0	LUC	00	00	228	CE 396048	
		Thôn Cự Thần	37	238	LUC	Mạ Xuân	84.0	LUC	00	00	228	CE 396048	
		Thôn Cự Thần	38	70	LUC	Tu Hà	1,201.0	LUC	23	00	1,201.0	CE 396048	
		Thôn Cự Thần	26	113	LUC	Mạ mùa	309.0	LUC	00	00	489	CE 396048	
		Thôn Cự Thần	38	84	LUC	Man Hạ	2,497.0	LUC	22	00	2497	CE 396048	
152	Nguyễn Văn Đức	Số 26 ngách 1/22	37	276	LUC	Mạ Xuân	54.0	LUC	00	00	54.0	CE 336546	
		Bùi Xương Trạch, Khương Đình, Thanh Xuân, HN	32	297	LUC	Cày Máy	504.0	LUC	29	00	504.0	CE 336546	
			26	368	LUC	Kinh Tế Phụ	54.0	LUC	00	00	54.0	CE 336546	
153	Nguyễn Hữu Bằng	Thôn Cự Thần	26	32	LUC	Mạ Mùa	62.0	LUC	00	00	62.0	CH 160250	
		Thôn Cự Thần	25	241	LUC	Quên tùa	1,219.0	LUC	00	00	1,219.0	CH 160250	
154	Nguyễn Văn Bảo	Thôn Cự Thần	26	245	LUC	Kinh Tế Phụ	81.0	LUC	00	00	648	CE 337000	
		Thôn Cự Thần	26	253	LUC	Kinh Tế Phụ	243.0	LUC	00	00	648	CE 337000	
		Thôn Cự Thần	26	256	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	00	00	648	CE 337000	
		Thôn Cự Thần	37	264	LUC	Mạ Xuân	89.0	LUC	00	00	357	CE 337000	
		Thôn Cự Thần	37	344	LUC	Mạ Xuân	178.0	LUC	00	00	357	CE 337000	
		Thôn Cự Thần	39	54	LUC	Cầu Gỗ	3,411.0	LUC	16	00	3,411.0	CE 337000	
		Thôn Cự Thần	19	141	LUC	Mạ Mùa	350.0	LUC	00	00	350.0	CE 337000	
155	Phạm Văn Chung	Thôn Cự Thần	32	145	LUC	Mạ Mùa	169.0	LUC	00	00	367	CE 179817	
		Thôn Cự Thần	37	21	LUC	mạ Chiêm	14.7	LUC	00	00	304	CE 179817	
		Thôn Cự Thần	37	189	LUC	Mạ Chiêm	160.0	LUC	00	00	304	CE 179817	
		Thôn Cự Thần	39	30	LUC	Cày Máy	443.0	LUC	60	00	443.0	CE 179817	
		Thôn Cự Thần	19	169	LUC	Mạ Mùa	198.0	LUC	00	00	367	CE 179817	

		Thôn Cự Thần	26	295	LUC	Kinh Tế Phụ	108.0	LUC	00	00	108.0	CE 179817	
		Thôn Cự Thần	38	21	LUC	Man Hạ	2,566.0	LUC	1	00	2,566.0	CE 179817	
156	Phạm Văn Công	Thôn Cự Thần	26	11	LUC	Mạ Mùa	58.0	LUC	00	00	238	CE 397064	
		Thôn Cự Thần	32	136	LUC	Mạ Mùa	180.0	LUC	00	00	238	CE 397064	
		Thôn Cự Thần	37	95	LUC	Mạ Chiêm	61.0	LUC	00	00	293	CE 397064	
		Thôn Cự Thần	37	274	LUC	Mạ Chiêm	196.0	LUC	00	00	293	CE 397064	
		Thôn Cự Thần	33	47	LUC	Thệp Mẫu Đúc	2,566.0	LUC	17	00	2,566.0	CE 397064	
				Thôn Cự Thần	25	151	LUC	Mạ Mùa	136.0	LUC	00	00	136.0
157	Phạm Văn Định	Thôn Cự Thần	36	154	LUC	Đường Đồng	2,103.0	LUC	17	00	2,103.0	CE 336992	
		Thôn Cự Thần	36	160	LUC	Đường Đồng	671.0	LUC	16	00	671.0	CE 336992	
		Thôn Cự Thần	37	92	LUC	Mạ Xuân	68.0	LUC	00	00	266	CE 336992	
		Thôn Cự Thần	37	280	LUC	Mạ Xuân	180.0	LUC	00	00	266	CE 336992	
				Thôn Cự Thần	26	145	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	295
158	Phạm Văn Hoa	Thôn Cự Thần	26	378	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	432-22	00	324.0	CE 396019	
		Thôn Cự Thần	32	5	LUC	Mạ Mùa	151.0	LUC	00	00	295	CE 396019	
		Thôn Cự Thần	37	248	LUC	Mạ Xuân	163.0	LUC	00	00	350	CE 396019	
		Thôn Cự Thần	39	6	LUC	Thệp Mẫu Đúc	3,246.0	LUC	32	00	3,246.0	CE 396019	
		Thôn Cự Thần	37	2	LUC	Mạ Xuân	2.5	LUC	00	00	350	CE 396019	
				Thôn Cự Thần	32	240	LUC	Đồng Chày	1,440.0	LUC	10	00	1,440.0
159	Phạm Văn Long	Thôn Cự Thần	32	303	LUC	Cày Máy	1,450.0	LUC	48	00	1,450.0	CE 336538	
160	Phạm Văn Lưu	Thôn Cự Thần	32	303	LUC	Cày Máy	1,450.0	LUC	48	00	1,450.0	CE 336538	
161	Phạm Văn Phong	Thôn Cự Thần	25	127	LUC	Quèn Cờ	1,052.0	LUC	18	00	2852	CE 179805	
		Thôn Cự Thần	26	491	LUC	Kinh Tế Phụ	106.4	LUC	00	00	303	CE 179805	
		Thôn Cự Thần	37	228	LUC	Mạ Chiêm	108.0	LUC	438-6	00	108.0	CE 179805	
		Thôn Cự Thần	25	154	LUC	Quèn Cờ	1,800.0	LUC	18	00	2852	CE 179805	
		Thôn Cự Thần	26	5	LUC	Mạ Mùa	195.0	LUC	00	00	303	CE 179805	
		Thôn Cự Thần	26	569	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	00	7	299	CE 179805	
		Thôn Cự Thần	25	165	LUC	Mạ Mùa	162.0	LUC	00	00	232	CE 336990	
		Thôn Cự Thần	26	111	LUC	Mạ Mùa	70.0	LUC	00	00	232	CE 336990	

162	Phạm Văn Quân	Thôn Cự Thần	26	345	LUC	Kinh Tế Phụ	486.0	LUC	442-40	00	486.0	CE 336990	
		Thôn Cự Thần	32	316	LUC	Cày Máy	1,375.0	LUC	50	00	1,375.0	CE 336990	
		Thôn Cự Thần	37	214	LUC	Mạ Xuân	72.0	LUC	00	00	320	CE 336990	
		Thôn Cự Thần	37	284	LUC	Mạ Xuân	108.0	LUC	00	00	320	CE 336990	
		Thôn Cự Thần	37	101	LUC	Mạ Xuân	70.0	LUC	00	00	320	CE 336990	
163	Phạm Văn Quang	Thôn Cự Thần	32	12	LUC	Mạ Mùa	162.0	LUC	00	00	162.0	CE 396057	
		Thôn Cự Thần	32	294	LUC	Thép Đúc	1,086.0	LUC	12	00	1,086.0	CE 396057	
164	Phạm Văn Quý	Thôn Cự Thần	25	183	LUC	Mạ Mùa	291.0	LUC	00	00	291.0	CE 336520	
		Thôn Cự Thần	32	284	LUC	Cày Máy	1,468.0	LUC	41	00	1,468.0	CE 336520	
		Thôn Cự Thần	32	331	LUC	Cày Máy	3,231.0	LUC	32	00	3,231.0	CE 336520	
165	Phạm Văn Vinh	Thôn Cự Thần	26	146	LUC	Mạ Mùa	103.0	LUC	00	00	247	CE 179809	
		Thôn Cự Thần	26	391	LUC	Kinh Tế Phụ	108.0	LUC	438-2	3	108.0	CE 179809	
		Thôn Cự Thần	32	69	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	247	CE 179809	
		Thôn Cự Thần	36	122	LUC	Đồng Trước	1,007.0	LUC	8	00	1,007.0	CE 179809	
		Thôn Cự Thần	37	173	LUC	Mạ Chiêm	108.0	LUC	00	00	280	CE 179809	
		Thôn Cự Thần	37	185	LUC	Mạ Chiêm	108.0	LUC	00	00	280	CE 179809	
		Thôn Cự Thần	33	7	LUC	Lô Ông Tân	1,782.0	LUC	00	00	1,782.0	CE 179809	
166	Phạm Xuân Thu	Thôn Cự Thần	26	44	LUC	Mạ Mùa	247.0	LUC	00	00	247.0	CE 336537	
		Thôn Cự Thần	36	123	LUC	Mạ Xuân	164.0	LUC	00	00	412	CE 336537	
		Thôn Cự Thần	37	42	LUC	Mạ Xuân	69.9	LUC	00	00	412	CE 336537	
		Thôn Cự Thần	37	348	LUC	Mạ Xuân	158.0	LUC	00	00	412	CE 336537	
		Thôn Cự Thần	31	91	LUC	Từ Trong	1,250.0	LUC	42	00	1,250.0	CE 336537	
		Thôn Cự Thần	32	139	LUC	Lô Ông Tân	805.0	LUC	10	00	805.0	CE 336537	
		Thôn Cự Thần	33	2	LUC	Lô Ông Tân	1,601.0	LUC	9	00	1,601.0	CE 336537	
		Thôn Cự Thần	26	344	LUC	Kinh Tế Phụ	432.0	LUC	444-69	00	432.0	CE 336537	
167	Quản Thị Quế	Thôn Cự Thần	25	191	LUC	Mạ Mùa	162.0	LUC	00	00	162.0	CE 207994	
		Thôn Cự Thần	26	177	LUC	Kinh Tế Phụ	162.0	LUC	447-97	00	162.0	CE 207994	
		Thôn Cự Thần	32	313	LUC	Thép Mẫu Đúc	2,150.0	LUC	15	00	2,150.0	CE 207994	

168	Tạ Thị Hằng	Thôn Cự Thần	25	84	LUC	Mạ Mùa	180.0	LUC	00	00	360	CE 396003	
		Thôn Cự Thần	26	74	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	360	CE 396003	
		Thôn Cự Thần	26	492	LUC	Kinh Tế Phụ	270.0	LUC	455-39	00	270.0	CE 396003	
		Thôn Cự Thần	26	704	LUC	Bầu Rện	1,071.0	LUC	10	00	1,071.0	CE 396003	
		Thôn Cự Thần	30	66	LUC	Man Từa	2,520.0	LUC	06	00	2,520.0	CE 396003	
		Thôn Cự Thần	32	4	LUC	Mạ Mùa	108.0	LUC	00	00	360	CE 396003	
		Thôn Cự Thần	37	113	LUC	Mạ Chiêm	90.0	LUC	00	00	358	CE 396003	
		Thôn Cự Thần	37	389	LUC	Mạ Chiêm	72.0	LUC	00	00	358	CE 396003	
169	Tạ Thị Mai	Thôn Cự Thần	32	209	LUC	Man Bưởi	360.0	LUC	04	00	360.0	CE 336583	
170	Tạ Thị Phái	Thôn Cự Thần	32	47	LUC	Mạ Mùa	101.0	LUC	00	00	101.0	CE 336566	
		Thôn Cự Thần	32	279	LUC	Cày Máy	1,050.0	LUC	27	00	1,050.0	CE 336566	
		Thôn Cự Thần	37	196	LUC	Mạ Chiêm	36.0	LUC	00	00	108	CE 336566	
171	Tạ Văn Thắng	Thôn Cự Thần	26	395	LUC	Mạ Mùa	154.0	LUC	00	00	154.0	CE 397032	
		Thôn Cự Thần	32	248	LUC	Cày Máy	1,096.0	LUC	13	00	1,096.0	CE 397032	
		Thôn Cự Thần	37	117	LUC	Mạ Xuân	36.0	LUC	00	00	117	CE 397032	
172	Tạ Văn Tiến	Thôn Cự Thần	25	45	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	335	CE397011	
		Thôn Cự Thần	26	298	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	335	CE397011	
		Thôn Cự Thần	24	145	LUC	Man Lấp	1,686.0	LUC	07	00	1,686.0	CE397011	
		Thôn Cự Thần	26	513	LUC	Kinh Tế Phụ	216.0	LUC	473-3	00	216.0	CE397011	
		Thôn Cự Thần	26	616	LUC	Mạ Mùa	47.0	LUC	00	00	335	CE397011	
		Thôn Cự Thần	33	33	LUC	Đồng Cháy	1,668.0	LUC	26	00	1,668.0	CE397011	
		Thôn Cự Thần	37	188	LUC	Mạ Xuân	72.0	LUC	00	00	337	CE397011	
		Thôn Cự Thần	37	303	LUC	Mạ Xuân	162.0	LUC	00	00	337	CE397011	
		Thôn Cự Thần	37	392	LUC	Mạ Xuân	80.0	LUC	00	00	337	CE397011	
173	Tạ Văn Tĩnh	Thôn Cự Thần	26	552	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	00	00	324.0	CH 160260	
		Thôn Cự Thần	31	31	LUC	Từa Trong	1,740.0	LUC	18	00	1,740.0	CH 160260	
		Thôn Cự Thần	33	41	LUC	Đồng Cháy	1,622.0	LUC	29	00	1,622.0	CH 160260	
		Thôn Cự Thần	36	193	LUC	Mạ Xuân	144.0	LUC	00	00	320	CH 160260	

175	Lê Văn Hùng	Thôn Cự Thần	25	197	LUC	Mạ Mùa	126.0	LUC	00	00	288	CH 160260	
		Thôn Cự Thần	26	367	LUC	Mạ Mùa	162.0	LUC	00	00	288	CH 160260	
		Thôn Cự Thần	37	394	LUC	Mạ Xuân	90.0	LUC	00	00	320	CH 160260	
		Thôn Cự Thần	33	39	LUC	Đông Cháy	1,431.0	LUC	28	00	1,431.0	CH 160260	
174	Trần Thị Bình	Thôn Cự Thần	26	208	LUC	Mạ Mùa	105.0	LUC	00	00	105.0	CE 336989	
		Thôn Cự Thần	32	245	LUC	Cây Máu	1,704.0	LUC	03	00	1,704.0	CE 336989	
		Thôn Cự Thần	37	98	LUC	Mạ Xuân	217.0	LUC	00	00	451	CE 336989	
		Thôn Cự Thần	37	322	LUC	Mạ Xuân	234.0	LUC	00	00	451	CE 336989	
175	Trần Thị Huyền	Thôn Cự Thần	19	158	LUC	Mạ Mùa	190.0	LUC	00	00	190.0	CE 396026	
		Thôn Cự Thần	36	98	LUC	Mạ Chiêm	90.0	LUC	00	00	250	CE 396026	
		Thôn Cự Thần	32	264	LUC	Cây Máu	2,264.0	LUC	16	00	2,264.0	CE 396026	
176	Nguyễn Thị Liên	Thôn Cự Thần	26	196	LUC	Kinh Tế Phụ	162.0	LUC	449-110	00	162.0	CE 396064	
		Thôn Cự Thần	37	138	LUC	Mạ Chiêm	54.0	LUC				CE 396064	
177	Phạm Văn Bình	Thôn Cự Thần	26	163	LUC	Mạ Mùa	180.0	LUC	00	00	180.0	CE 336504	
		Thôn Cự Thần	37	51	LUC	Mạ Xuân	144.0	LUC	00	00	144.0	CE 336504	
		Thôn Cự Thần	31	46	LUC	Quèn Tựa	1,782.0	LUC	14	00	1,782.0	CE 336504	
178	Phạm Thị Ly	Thôn Cự Thần	26	36	LUC	Đông Xang	178.0	LUC	00	00	178.0	CE 179814	
		Thôn Cự Thần	26	532	LUC	Mạ Găng	119.0	LUC	00	00	119.0	CE 179814	
		Thôn Cự Thần	26	683	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	00	00	324.0	CE 179814	
		Thôn Cự Thần	37	319	LUC	Điền Thanh	238.0	LUC	000	00	238.0	CE 179814	
		Thôn Cự Thần	25	297	LUC	Quèn Tựa	2,222.0	LUC	00	00	2,222.0	CE 179814	
179	Phạm Trọng Nhã	Thôn Cự Thần	26	225	LUC	Mạ Mùa	214.0	LUC	00	00	565	CE 336558	
		Thôn Cự Thần	26	314	LUC	Kinh Tế Phụ	540.0	LUC	434-63	00	540.0	CE 336558	
		Thôn Cự Thần	32	72	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	565	CE 336558	
		Thôn Cự Thần	32	183	LUC	Mạ Mùa	279.0	LUC	00	00	565	CE 336558	
		Thôn Cự Thần	32	334	LUC	Cây Máu	776.0	LUC	55	00	776.0	CE 336558	
		Thôn Cự Thần	36	78	LUC	Mạ Xuân	108.0	LUC	00	00	514	CE 336558	
		Thôn Cự Thần	36	125	LUC	Mạ Xuân	162.0	LUC	00	00	514	CE 336558	

		Thôn Cự Thần	38	4	LUC	Tu Hà	3,134.0	LUC	10	00	3,134.0	CE 336558	
180	Phạm Thị Khoa	Thôn Cự Thần	26	577	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	144	CE 396009	
		Thôn Cự Thần	32	138	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	144	CE 396009	
		Thôn Cự Thần	32	290	LUC	Thép Mẫu Đúc	1,064.0	LUC	11	00	1,064.0	CE 396009	
181	Phạm Thị Chiến	Thôn Cự Thần	32	95	LUC	Mạ Mùa	126.0	LUC	00	00	281	CE 397062	
		Thôn Cự Thần	36	142	LUC	Mạ Chiêm	43.0	LUC	00	00	553	CE 397062	
		Thôn Cự Thần	37	31	LUC	Mạ Chiêm	150.0	LUC	00	00	553	CE 397062	
		Thôn Cự Thần	37	186	LUC	Mạ Chiêm	36.0	LUC	00	00	553	CE 397062	
		Thôn Cự Thần	37	207	LUC	Mạ Chiêm	216.0	LUC	00	00	553	CE 397062	
		Thôn Cự Thần	25	89	LUC	Mạ Mùa	155.0	LUC	00	00	281	CE 397062	
		Thôn Cự Thần	26	255	LUC	Kinh Tế Phụ	378.0	LUC	450-111	00	378.0	CE 397062	
		Thôn Cự Thần	32	223	LUC	Đồng Cháy	1,900.0	LUC	16	00	1,900.0	CE 397062	
182	Nguyễn Xuân Giang	Thôn Cự Thần	26	112	LUC	Mạ Mùa	186.0	LUC	00	00	186.0	CE 396065	
		Thôn Cự Thần	32	226	LUC	Man Bưởi	947.0	LUC	16	00	947.0	CE 396065	
183	Nguyễn Xuân Dũng	Thôn Cự Thần	26	567	LUC	Kinh Tế Phụ	54.0	LUC	00	3	54.0	CE 179804	
		Thôn Cự Thần	32	42	LUC	Mạ Mùa	134.0	LUC	00	3	134.0	CE 179804	
		Thôn Cự Thần	32	287	LUC	Cây Máy	1,343.0	LUC	19	00	1,343.0	CE 179804	
		Thôn Cự Thần	37	266	LUC	Mạ Chiêm	117.0	LUC	00	7	135	CE 179804	
184	Nguyễn Xuân Bắc	Thôn Cự Thần	32	109	LUC	Mạ Mùa	151.0	LUC	00	00	151.0	CE 336510	
		Thôn Cự Thần	32	246	LUC	Man Bưởi	1,695.0	LUC	17	00	1,695.0	CE 336510	
		Thôn Cự Thần	37	37	LUC	Mạ Chiêm	146.0	LUC	00	00	146.0	CE 336510	
185	Nguyễn Việt Nhung	Thôn Cự Thần	25	79	LUC	Cầu Ông Bang	720.0	LUC	06	00	720.0	CE 397086	
		Thôn Cự Thần	26	490	LUC	Kinh Tế Phụ	324.0	LUC	474-15	00	324.0	CE 397086	
		Thôn Cự Thần	37	307	LUC	Mạ Chiêm	149.0	LUC	00	00	234.0	CE 397086	
186	Nguyễn Văn Vang	Thôn Cự Thần	26	85	LUC	Mạ Mùa	210.0	LUC	00	00	426	CE 336986	
		Thôn Cự Thần	19	171	LUC	Mạ Mùa	216.0	LUC	00	00	426	CE 336986	
		Thôn Cự Thần	37	259	LUC	Mạ Xuân	108.0	LUC	00	00	144	CE 336986	

		Thôn Cự Thần	39	52	LUC	Cầu Gỗ	2,009.0	LUC	14	00	2,009.0	CE 336986	
187	Nguyễn Văn Tùng	Thôn Cự Thần	26	43	LUC	Mạ Mùa	54.0	LUC	00	00	242	CE 397044	
		Thôn Cự Thần	26	91	LUC	Mạ Mùa	116.0	LUC	00	00	242	CE 397044	
		Thôn Cự Thần	26	262	LUC	Kinh Tế Phụ	108.0	LUC	446-85	00	108.0	CE 397044	
		Thôn Cự Thần	31	104	LUC	Từ Trong	941.0	LUC	51	00	941.0	CE 397044	
		Thôn Cự Thần	32	125	LUC	Mạ Mùa	72.0	LUC	00	00	242	CE 397044	
		Thôn Cự Thần	32	260	LUC	Đồng Cháy	1,660.0	LUC	02	00	1,660.0	CE 397044	
		Thôn Cự Thần	37	123	LUC	Mạ Xuân	109.0	LUC	00	00	379	CE 397044	
		Thôn Cự Thần	37	278	LUC	Mạ Xuân	108.0	LUC	00	00	379	CE 397044	
188	Nguyễn Văn Trung	Thôn Cự Thần	26	162	LUC	Mạ Mùa	210.0	LUC	00	00	310	CE 396005	
		Thôn Cự Thần	26	242	LUC	Mạ Mùa	100.0	LUC	00	00	310	CE 396005	
		Thôn Cự Thần	26	466	LUC	Kinh Tế Phụ	216.0	LUC	455-40	00	216.0	CE 396005	
		Thôn Cự Thần	26	503	LUC	Hai Cây	1,437.0	LUC	01	00	1,437.0	CE 396005	
		Thôn Cự Thần	36	90	LUC	Mạ Chiêm	144.0	LUC	00	00	344	CE 396005	
		Thôn Cự Thần	38	68	LUC	Tu Hà	2,009.0	LUC	25	00	2,009.0	CE 396005	
		Thôn Cự Thần	37	134	LUC	Mạ Chiêm	100.0	LUC	00	00	344	CE 396005	
189	Nguyễn Văn Tiến	Thôn Cự Thần	32	228	LUC	Cày Máy	1,022.0	LUC	09	00	1,022.0	CE 397012	
		Thôn Cự Thần	25	160	LUC	Mạ Mùa	132.0	LUC	00	00	132.0	CE 397012	
		Thôn Cự Thần	37	69	LUC	Mạ Xuân	55.0	LUC	00	00	163	CE 397012	
		Thôn Cự Thần	37	404	LUC	Mạ Xuân	108.0	LUC	00	00	163	CE 397012	
		Thôn Cự Thần	39	20	LUC	Cầu Gỗ	1,800.0	LUC	09	00	1,800.0	CE 397012	
		Thôn Cự Thần	26	366	LUC	Kinh Tế Phụ	432.0	LUC	00	00	432.0	CE 397012	
190	Nguyễn Văn Sơn	Thôn Cự Thần	26	16	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	144.0	CE 336997	
		Thôn Cự Thần	37	145	LUC	Mạ Xuân	72.0	LUC	00	00	72.0	CE 336997	
		Thôn Cự Thần	25	185	LUC	Quèn Từ	630.0	LUC	48	00	630.0	CE 336997	
		Thôn Cự Thần	31	88	LUC	Từ Trong	432.0	LUC	57	00	432.0	CE 336997	
		Thôn Cự Thần	25	324	LUC	Mạ Mùa	63.0	LUC	00	00	375	CE 396044	
		Thôn Cự Thần	26	105	LUC	Mạ Mùa	42.0	LUC	00	00	375	CE 396044	

191	Nguyễn Văn Sách	Thôn Cự Thần	26	274	LUC	Kinh Tế Phụ	432.0	LUC	451-61	00	432.0	CE 396044	
		Thôn Cự Thần	32	32	LUC	Mạ Mùa	144.0	LUC	00	00	334	CE 396044	
		Thôn Cự Thần	37	29	LUC	Mạ Chiêm	2.6	LUC	00	00	375	CE 396044	
		Thôn Cự Thần	37	328	LUC	Mạ Chiêm	190.0	LUC	00	00	334	CE 396044	
		Thôn Cự Thần	24	151	LUC	Man Lấp	1,483.0	LUC	13	00	1,483.0	CE 396044	
		Thôn Cự Thần	26	266	LUC	Mạ Mùa	126.0	LUC	00	00	375	CE 396044	
		Thôn Cự Thần	32	180	LUC	Man Bưởi	1,139.0	LUC	10	00	1,139.0	CE 396044	
192	Nguyễn Văn Quang	Thôn Cự Thần	26	182	LUC	Mạ Mùa	180.0	LUC	00	00	213	CE 336997	
		Thôn Cự Thần	25	172	LUC		33.0	LUC				CE 336997	
		Thôn Cự Thần	37	273	LUC	Mạ Xuân	98.0	LUC	00	00	72.0	CE 336997	
		Thôn Cự Thần	37	27	LUC	Mạ Xuân	72.0	LUC	00	00	72.0	CE 336997	
		Thôn Cự Thần	39	24	LUC	Thép Mẫu Đúc	2,569.0	LUC	57	00	432.0	CE 336997	
<b>Tổng:</b>							<b>535,436.4</b>						